

Số: 2 4 2 5 /QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế quản lý Dự án dầu khí trong nước

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 ngày 14/11/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 36/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ-Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5382/QĐ-DKVN ngày 19/9/2022 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-DKVN ngày 03/01/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Hội đồng thành viên PVN phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-DKVN ngày 08/03/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Ủy quyền ký ban hành Văn bản của Hội đồng thành viên PVN;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại công văn số 89/CVNB-LNS ngày 15/12/2023, 07/CVNB-LNS ngày 5/2/2024; 14/CVNB-LNS ngày



QUY CHẾ QUẢN LÝ DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2425/QĐ-DKVN ngày 10/4/2024
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế quản lý Dự án dầu khí trong nước được xây dựng và ban hành với mục đích:

1. Thống nhất quản lý việc thực hiện Dự án dầu khí trong nước có vốn góp trực tiếp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”);
2. Thống nhất quản lý của PVN đối với Dự án dầu khí trong nước của các công ty hoạt động trong lĩnh vực dầu khí mà PVN có vốn góp trực tiếp (sau đây gọi là “Công ty có vốn góp của PVN”) và Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro mà PVN là một phía tham gia trong Liên doanh này (sau đây gọi là “VSP”);
3. Đảm bảo các hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện Dự án dầu khí trong nước của PVN tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PVN.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động quản lý của PVN đối với Dự án dầu khí trong nước, cụ thể:

- a) Quy định thẩm quyền và quy trình thủ tục thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định, giám sát đầu tư đối với Dự án dầu khí trong nước có vốn góp trực tiếp của PVN;
- b) Quy định thẩm quyền và quy trình thủ tục thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định, giám sát đầu tư đối với phần vốn góp tham gia Dự án dầu khí trong nước của các Công ty có vốn góp của PVN;
- c) Quy định thẩm quyền và quy trình thủ tục thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định và giám sát đầu tư của PVN với vai trò là một phía tham gia của VSP đối với Dự án dầu khí của VSP.

2. Quy chế này điều chỉnh hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện của PVN đối với Dự án dầu khí trong nước quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này được hình thành để thực hiện hoạt động dầu khí trong phạm vi đất liền, hải đảo và vùng biển của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:

- a) Dự án tìm kiếm thăm dò dầu khí (sau đây gọi tắt là Dự án TKTDDK);
- b) Dự án phát triển mỏ dầu khí (sau đây gọi tắt là Dự án PTMDK);
- c) Dự án thăm dò dầu khí bổ sung (sau đây gọi tắt là Dự án TDDKBS).

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. PVN;
2. Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN;



3. Tổng Giám đốc VSP;
4. Giám đốc Chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN;
5. Các cá nhân và tổ chức liên quan đến hoạt động quản lý và thực hiện Dự án dầu khí trong nước quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Ban chức năng: là các ban chuyên môn thuộc Bộ máy điều hành của PVN.
2. Ban đầu mối: là Ban chức năng của PVN có chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ chủ trì quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động dầu khí. Đối với từng phạm vi công việc của Dự án dầu khí, Ban đầu mối có thể là những Ban khác nhau theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban tại từng thời điểm cụ thể.

Theo chức năng, nhiệm vụ Ban đầu mối về quản lý Dự án TKTDDK và Dự án TDDKBS là Ban Tìm kiếm thăm dò dầu khí (TKTD); Ban đầu mối về quản lý Dự án PTMDK là Ban Khai thác dầu khí (KTDK); Ban đầu mối về quản lý Hợp đồng dầu khí (HDDK) là Ban Quản lý Hợp đồng dầu khí.

3. Báo cáo sử dụng vốn: là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền xem xét thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định về việc sử dụng vốn để tham gia/đầu tư Dự án dầu khí.

4. Báo cáo tạm dừng/kết thúc Dự án dầu khí: là tài liệu do Nhà đầu tư lập để trình Cấp có thẩm quyền xem xét thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định về việc tạm dừng/kết thúc Dự án dầu khí.

5. Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư: là tài liệu được lập để theo dõi, kiểm tra và đánh giá đầu tư trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện Dự án dầu khí. Giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm hoạt động giám sát, đánh giá Dự án dầu khí và giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo quy định.

6. Cấp có thẩm quyền: là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định theo quy định pháp luật về dầu khí và quy định nội bộ của PVN đối với: (i) việc góp vốn tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS và góp vốn đầu tư Dự án PTMDK; (ii) tạm dừng hoặc kết thúc Dự án dầu khí; (iii) chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng Dự án dầu khí; và (iv) các công việc để thực hiện hoạt động dầu khí, bao gồm Giám sát, đánh giá đầu tư Dự án dầu khí.

7. Chiến lược: là Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam do Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật và quy định của Nhà nước Việt Nam.

8. Chương trình tìm kiếm thăm dò dầu khí (sau đây gọi tắt là Chương trình TKTDDK): là tài liệu do Người điều hành Hợp đồng dầu khí lập để trình PVN phê duyệt theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

9. Chương trình thăm dò dầu khí bổ sung (sau đây gọi tắt là Chương trình TDDKBS): là tài liệu do Người điều hành Hợp đồng dầu khí lập để trình PVN phê duyệt theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 44 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

10. Chương trình TKTDDK điều chỉnh hoặc Chương trình TDDKBS điều chỉnh: là tài liệu do Người điều hành Hợp đồng dầu khí lập để trình PVN phê duyệt theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 44 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.



11. Công ty điều hành dầu khí của PVN: là Chi nhánh của PVN, được thành lập để thay mặt PVN thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Người điều hành theo quy định của HDDK và nhiệm vụ khác do PVN giao, được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN và Quy chế tổ chức, hoạt động của Công ty điều hành dầu khí của PVN.

12. Danh mục Dự án dầu khí của PVN (Danh mục dự án): là danh sách các Dự án dầu khí trong Kế hoạch đầu tư hàng năm của PVN, là cơ sở để PVN đánh giá cơ hội chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng dự án, tham gia/đầu tư, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, chấm dứt đầu tư hoặc rút khỏi dự án,... theo quy định pháp luật.

13. Dự toán chi phí: là toàn bộ chi phí cần thiết của PVN, Công ty có vốn góp của PVN hoặc phía Việt Nam tại VSP để tham gia thực hiện các công việc của Dự án TKTDDK/Dự án TKTDDK thành phần, Dự án TDDKBS/Dự án TDDKBS thành phần tương ứng với tỷ lệ tham gia của PVN/Công ty có vốn góp của PVN/phía Việt Nam tại VSP để trình Cấp có thẩm quyền xem xét thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định, bao gồm các chi phí: (i) tham gia HDDK mới ở giai đoạn TKTD; (ii) thực hiện Dự án TKTDDK; (iii) thực hiện Dự án TDDKBS.

14. Hồ sơ: là các tài liệu, giấy tờ của Dự án dầu khí được lập theo yêu cầu tại Quy chế này để trình Cấp có thẩm quyền xem xét thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định.

15. Hội đồng Tìm kiếm thăm dò (TKTD): là Hội đồng được Tổng Giám đốc PVN thành lập để thẩm định Chương trình TKTDDK, Chương trình TDDKBS và các Chương trình điều chỉnh tương ứng, Báo cáo sử dụng vốn cho Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS và các Báo cáo điều chỉnh tương ứng theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ có liên quan của PVN.

16. Mức vốn góp đầu tư: là toàn bộ chi phí đầu tư của PVN, Công ty có vốn góp của PVN hoặc phía Việt Nam tại VSP để góp vốn thực hiện Dự án/Dự án thành phần phát triển mỏ dầu khí (bao gồm: các chi phí để thực hiện công việc chuẩn bị phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị, hạ tầng cơ sở, giếng khoan và trang thiết bị phục vụ hoạt động khai thác và các chi phí hợp lý hợp lệ khác của Nhà đầu tư như: chi phí OPEX được xem xét, phê duyệt hàng năm theo Chương trình hoạt động & ngân sách hoạt động hàng năm). Mức vốn góp đầu tư được xác định trên cơ sở nội dung Kế hoạch khai thác sớm/Kế hoạch phát triển mỏ (EDP/FDP) quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

17. Người đại diện phần vốn: là người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN.

18. Nhà đầu tư: là nhà thầu nắm giữ quyền lợi tham gia trong HDDK. Trong Quy chế này Nhà đầu tư bao gồm PVN, Công ty có vốn góp của PVN, VSP (tùy từng trường hợp).

19. PVN: là Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

20. VSP: là Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro được thành lập theo pháp luật Việt Nam trên cơ sở Hiệp định liên Chính phủ Việt Nam - Liên bang Nga, trong đó PVN là một phía tham gia trong VSP (Phía tham gia Việt Nam trong VSP).

21. Quyền tham gia của nước chủ nhà (Back-in right) vào HDDK: là việc nước chủ nhà được quyền lựa chọn tham gia sau khi Nhà thầu tuyên bố phát hiện dầu khí thương mại đầu tiên trong diện tích hợp đồng. Quyền tham gia của nước chủ nhà sẽ được giới hạn bởi tỷ lệ phần trăm (%) quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định trong tổng



quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà thầu, được xác định trong HĐDK. PVN có thể thực hiện trực tiếp quyền tham gia của nước chủ nhà hoặc chỉ định Công ty có vốn góp của PVN thực hiện quyền tham gia của nước chủ nhà.

22. Quyền ưu tiên mua trước (Pre-emption right): là việc PVN được quyền ưu tiên mua lại một phần hoặc toàn bộ quyền lợi tham gia mà Nhà thầu có ý định chuyển nhượng trong HĐDK đã được ký kết, trên cơ sở các điều kiện chuyển nhượng mà bên Nhà thầu có ý định chuyển nhượng đã đạt được đối với bên nhận chuyển nhượng tiềm năng.

23. Quy hoạch: là quy hoạch phát triển ngành Dầu khí Việt Nam do Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật và quy định của Nhà nước Việt Nam và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

24. Pháp luật: là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm các luật/bộ luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành.

25. Tổ công tác: là Tổ được Tổng Giám đốc PVN thành lập trên cơ sở đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí trong nước để lập Báo cáo sử dụng vốn cho phần vốn góp của PVN nhằm tham gia/đầu tư Dự án dầu khí, Dự án dầu khí thành phần. Thành phần của Tổ công tác bao gồm lãnh đạo Ban đầu mối làm Tổ trưởng, lãnh đạo và các thành viên của các ban PVN có liên quan.

26. Sơ bộ chi phí đầu tư (khái toán): là toàn bộ chi phí để thực hiện các công việc chuẩn bị PTMDK, xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị, hạ tầng cơ sở, giếng khoan và trang thiết bị phục vụ hoạt động khai thác dầu khí. Sơ bộ chi phí đầu tư được xác định trên cơ sở nội dung Kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí (ODP) quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

27. Các chữ viết tắt:

- HĐTV PVN: Hội đồng thành viên PVN
- PVN: Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- HĐDK: Hợp đồng dầu khí
- ODP: Kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí
- EDP: Kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí
- FDP: Kế hoạch phát triển mỏ dầu khí.

28. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm không được quy định hay giải thích trong Quy chế này sẽ được giải nghĩa theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và quy định pháp luật.



CHƯƠNG II HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC

Mục 1 HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ VÀ DỰ ÁN DẦU KHÍ

Điều 5. Hoạt động dầu khí

1. Hoạt động dầu khí là chuỗi hoạt động được thực hiện nhằm mục đích tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng để đánh giá các tích tụ dầu khí, phát triển và khai thác mỏ dầu khí, bao gồm: tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng dầu khí; chuẩn bị PTMDK, PTMDK, khai thác dầu khí, thu dọn công trình dầu khí. Các dịch vụ thương mại, kỹ thuật, công nghệ là những dịch vụ hỗ trợ mà Người điều hành phải sử dụng trong quá trình thực hiện hoạt động dầu khí.

2. Trên cơ sở phê duyệt của Cấp có thẩm quyền, các hoạt động dầu khí được triển khai thực hiện bao gồm như sau:

a) Hoạt động tìm kiếm dầu khí: là hoạt động nhằm tìm kiếm sự có mặt của các tích tụ dầu khí trong diện tích của HĐDK, tìm kiếm dầu khí trong các đối tượng dầu khí mới hoặc chưa có thông tin. Hoạt động tìm kiếm dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: nghiên cứu, khảo sát địa chất-địa vật lý, khoan tìm kiếm.

b) Hoạt động thăm dò dầu khí: là bước tiếp theo của hoạt động tìm kiếm dầu khí, được thực hiện nhằm thăm dò các tích tụ dầu khí trong các đối tượng dầu khí hoặc cấu tạo ở khu vực địa chất tương tự đã được xác minh. Hoạt động thăm dò dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: nghiên cứu, khảo sát địa chất-địa vật lý chi tiết, khảo sát mô hình địa chất, khoan thăm dò, thử vỉa...

c) Hoạt động thăm lượng dầu khí: là bước tiếp theo của hoạt động thăm dò dầu khí, được thực hiện nhằm thăm lượng phạm vi phân bố, trữ lượng của phát hiện dầu khí, xác định các đặc tính về chất lưu của vỉa chứa liên quan và trạng thái biến đổi của chúng có thể xảy ra khi được khai thác. Hoạt động thăm lượng dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: thu nỏ, xử lý, minh giải địa chấn 3D, mô hình địa chất, mô hình công nghệ mỏ, khoan thăm lượng, thử vỉa, lấy mẫu trong giếng khoan...

d) Hoạt động chuẩn bị PTMDK: là hoạt động được tiến hành ngay sau khi kế hoạch thăm lượng được hoàn thành, kết quả nghiên cứu và đánh giá cho thấy phát hiện dầu khí có tính thương mại, Nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành các bước cho việc hình thành Dự án PTMDK, bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: thực hiện các nghiên cứu, khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng các phương án PTMDK, phân tích và lựa chọn phương án phát triển tối ưu (ODP), thực hiện nghiên cứu FEED, hoàn thành FDP và nhận được phê duyệt của Cấp có thẩm quyền. Chi phí cho hoạt động chuẩn bị PTMDK sẽ là một phần của chi phí PTMDK trong Dự án PTMDK.

e) Hoạt động phát triển mỏ dầu khí: là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích phát triển các mỏ dầu khí trong diện tích phát triển của HĐDK. Hoạt động phát triển mỏ dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: nghiên cứu và khảo sát địa chất và địa vật lý mỏ dầu khí; khoan, thử vỉa, hoàn thiện giếng, khoan lại và tái hoàn thiện các giếng; lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng, vận chuyển và lắp đặt các công trình dầu khí và các hoạt động liên quan cần thiết để khai thác, xử lý, vận chuyển, tàng trữ, giao nhận dầu khí và các hoạt động khác cần thiết cho việc phát triển tích tụ dầu khí một cách an toàn và hiệu quả.



f) Hoạt động vận hành khai thác mỏ dầu khí: là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích khai thác mỏ dầu khí trong diện tích HDDK, bao gồm: vận hành và bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị cần thiết; lập lịch trình, điều khiển, đo lường, thử vỉa và gọi dòng; thu gom, xử lý, tàng trữ và vận chuyển dầu thô, khí đồng hành và khí thiên nhiên từ bể chứa dầu khí đến điểm giao nhận.

g) Hoạt động thu dọn công trình dầu khí: là hoạt động được tiến hành nhằm thu dọn/hủy giếng khoan, thu dọn các công trình cố định, công trình ngầm, thiết bị, phương tiện đã phục vụ hoạt động khai thác mỏ dầu khí.

3. Các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng thuộc phạm vi của Dự án TKTDDK; các hoạt động chuẩn bị PTMDK, phát triển mỏ dầu khí, vận hành khai thác mỏ dầu khí thuộc phạm vi của Dự án PTMDK; các hoạt động thăm dò, thăm lượng trong phạm vi diện tích hợp đồng xung quanh các mỏ dầu khí đang phát triển, khai thác mỏ dầu khí thuộc phạm vi của Dự án TDDKBS.

Điều 6. Dự án dầu khí

1. Dự án dầu khí là dự án được hình thành để thực hiện các hoạt động dầu khí, bao gồm: tìm kiếm thăm dò thăm lượng dầu khí, chuẩn bị PTMDK, PTMDK, vận hành khai thác dầu khí. Dự án dầu khí có thể là một dự án độc lập hoặc là tập hợp của nhiều dự án thành phần thực hiện các hoạt động dầu khí tiếp nối nhau và có liên hệ chặt chẽ với nhau.

2. Dự án thành phần trong Dự án dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Dự án TKTDDK; Dự án TDDKBS; Dự án PTMDK; Dự án TKTDDK/dự án TDDKBS giai đoạn nhỏ tiếp theo sau khi đã nghiệm thu, ghi nhận chi phí; Phần bổ sung khối lượng công việc và dự toán chi phí bên ngoài Dự án TKTDDK/dự án TDDKBS đã được phê duyệt trước đó.

Tùy vào tính chất, nội dung, giai đoạn thành phần, loại hình công việc của mỗi dự án thành phần, Nhà đầu tư thực hiện trình tự, thủ tục góp vốn tham gia/đầu tư tương ứng theo quy định tại Quy chế này. Mỗi dự án thành phần sau khi hoàn thành sẽ có báo cáo tổng kết về công việc và quyết toán chi phí theo quy định. Trong đó:

a) Dự án TKTDDK là dự án được hình thành trên cơ sở Chương trình TKTDDK do Người điều hành Hợp đồng dầu khí trình PVN phê duyệt với vai trò nước chủ nhà và Báo cáo sử dụng vốn của Nhà đầu tư góp vốn tham gia nhằm mục đích thực hiện hoạt động tìm kiếm thăm dò thăm lượng dầu khí theo quy định của Hợp đồng dầu khí trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò.

Dự án TKTDDK là dự án góp vốn tham gia thực hiện việc đầu tư rủi ro, nên việc thu hồi chi phí của dự án chỉ có thể thực hiện khi có phát hiện thương mại và được đưa vào phát triển mỏ để khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật dầu khí.

b) Dự án TDDKBS là dự án được hình thành trên cơ sở Chương trình TDDKBS do Người điều hành Hợp đồng dầu khí trình PVN phê duyệt với vai trò nước chủ nhà và Báo cáo sử dụng vốn của Nhà đầu tư góp vốn tham gia nhằm mục đích thực hiện các hoạt động thăm dò, thăm lượng dầu khí theo quy định của Hợp đồng dầu khí trong giai đoạn phát triển khai thác.

Nhà thầu/Nhà đầu tư được thu hồi chi phí thăm dò bổ sung kể cả trong trường hợp dự án không thành công, không có phát hiện thương mại hay phát hiện dầu khí không có giá trị thương mại theo quy định của Luật dầu khí số 12/2022/QH15, Nghị định số 45/2023/NĐ-CP hoặc được thỏa thuận trong Hợp đồng dầu khí.


6


c) Dự án PTMDK là dự án được hình thành để thực hiện hoạt động chuẩn bị PTMDK, hoạt động PTMDK, hoạt động khai thác dầu khí và hoạt động thu dọn công trình dầu khí nhằm phát triển các mỏ dầu khí trong phạm vi diện tích hợp đồng đã được khẳng định tính thương mại và đưa vào khai thác theo quy định của HĐDK và pháp luật dầu khí.

Mục 2

THẨM QUYỀN THÔNG QUA, CHẤP THUẬN, PHÊ DUYỆT, QUYẾT ĐỊNH DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC

Điều 7. Thẩm quyền thông qua, chấp thuận, quyết định, phê duyệt việc sử dụng vốn tham gia/đầu tư Dự án dầu khí có vốn góp trực tiếp của PVN

1. Người điều hành không phải là Công ty điều hành dầu khí của PVN

1.1 Căn cứ vào phê duyệt của Cấp có thẩm quyền về kết quả lựa chọn nhà thầu ký HĐDK; nội dung HĐDK; điều chỉnh nội dung HĐDK; gia hạn HĐDK: (i) Tổng Giám đốc PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để tham gia, điều chỉnh Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS có Dự toán chi phí dưới 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng; (ii) Tổng Giám đốc PVN thông qua, báo cáo HĐQT PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để tham gia, điều chỉnh Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS có Dự toán chi phí từ 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng trở lên.

Căn cứ vào phê duyệt việc sử dụng vốn, Tổng Giám đốc PVN phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) theo quy định của Quy chế Quản lý Hợp đồng Dầu khí trong nước.

1.2. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK)

a) Trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 3 Điều 22, không phụ thuộc vào Sơ bộ chi phí đầu tư của toàn dự án, Tổng giám đốc PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK), trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt ODP, ODP điều chỉnh theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

b) Trên cơ sở các ODP, ODP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, Tổng giám đốc PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) phù hợp với ODP, ODP điều chỉnh được phê duyệt và Chương trình hoạt động và Ngân sách được phê duyệt theo quy định của HĐDK.

1.3. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh

a) Trình phê duyệt các Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP, FDP theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 3 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với các EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN từ 2.300 tỷ đồng trở lên; Tổng giám đốc PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với các EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN dưới 2.300 tỷ đồng.

b) Trình phê duyệt các Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh để thực hiện phân khối lượng công việc tăng thêm so với lần phê duyệt gần nhất,



phần khối lượng và giá trị công việc của EDP, FDP gần nhất không thay đổi: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 3 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) từ 2.300 tỷ đồng trở lên; Tổng giám đốc PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) dưới 2.300 tỷ đồng.

c) Trình phê duyệt các Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh trong các trường hợp khác (ngoài nội dung ở điểm b Khoản này) so với lần phê duyệt gần nhất: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 3 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN từ 2.300 tỷ đồng trở lên; Tổng giám đốc PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN dưới 2.300 tỷ đồng.

d) Trên cơ sở các EDP, FDP, EDP điều chỉnh và FDP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 47, 48 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, Tổng giám đốc PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện các EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh nêu trên.

2. Người điều hành là Công ty điều hành dầu khí của PVN

2.1. Công ty điều hành dầu khí của PVN căn cứ vào phê duyệt của Cấp có thẩm quyền về kết quả lựa chọn nhà thầu ký HĐDK; nội dung HĐDK; điều chỉnh nội dung HĐDK; gia hạn HĐDK, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để tham gia, điều chỉnh dự án.

Trường hợp Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS hình thành/điều chỉnh từ Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS, Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua việc sử dụng vốn đối với các dự án có Dự toán chi phí dưới 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng. Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua và báo cáo HĐQT PVN thông qua việc sử dụng vốn đối với các dự án có Dự toán chi phí từ 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng trở lên. Căn cứ vào chấp thuận của HĐQT PVN, Tổng Giám đốc PVN phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS theo quy định của Quy chế Quản lý Hợp đồng Dầu khí trong nước. Căn cứ vào phê duyệt của PVN về Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để thực hiện dự án.

2.2. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK)

a) Trên cơ sở kết quả xem xét tại Khoản 4 Điều 22, không phụ thuộc vào Sơ bộ chi phí đầu tư của toàn dự án, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt ODP, ODP điều chỉnh theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

b) Trên cơ sở các ODP, ODP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP



điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) phù hợp với ODP, ODP điều chỉnh được phê duyệt và Chương trình hoạt động và Ngân sách được phê duyệt theo quy định của HĐDK.

2.3. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh

a) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP, FDP theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN đối với các EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP, FDP theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

b) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh để thực hiện phần khối lượng công việc tăng thêm so với lần phê duyệt gần nhất, phần khối lượng và giá trị công việc theo EDP, FDP gần nhất không thay đổi: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

c) Trình phê duyệt các Báo cáo sử dụng vốn thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh trong các trường hợp khác (ngoài nội dung ở Điểm b Khoản này) so với lần phê duyệt gần nhất: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN đối với các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

d) Trên cơ sở các EDP, FDP, EDP điều chỉnh và FDP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 47, 48 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện các EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh nêu trên.



3. Sau khi phê duyệt việc sử dụng vốn, Tổng giám đốc PVN, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT PVN về các nội dung đã phê duyệt.

Điều 8. Thẩm quyền thông qua, chấp thuận, quyết định, phê duyệt việc sử dụng vốn tham gia/đầu tư Dự án dầu khí do Công ty có vốn góp của PVN tham gia

1. Đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) do Công ty có vốn góp của PVN tham gia, căn cứ vào phê duyệt của Cấp có thẩm quyền về kết quả lựa chọn nhà thầu ký HĐDK; nội dung HĐDK; điều chỉnh nội dung HĐDK; gia hạn HĐDK, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để tham gia, điều chỉnh dự án.

Trường hợp Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS hình thành/điều chỉnh từ Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS, Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua việc sử dụng vốn đối với các dự án có Dự toán chi phí dưới 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng. Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua và báo cáo HĐQT PVN thông qua việc sử dụng vốn đối với các dự án có Dự toán chi phí từ 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng trở lên. Căn cứ vào chấp thuận của HĐQT PVN, Tổng Giám đốc PVN phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS theo quy định của Quy chế Quản lý Hợp đồng Dầu khí trong nước. Căn cứ vào phê duyệt của PVN về Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để thực hiện dự án.

2. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) do Công ty có vốn góp của PVN tham gia

a) Trên cơ sở kết quả xem xét tại Khoản 4 Điều 22 Quy chế này, không phụ thuộc vào Sơ bộ chi phí đầu tư của toàn dự án, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt ODP, ODP điều chỉnh theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

b) Trên cơ sở các ODP, ODP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) phù hợp với ODP, ODP điều chỉnh được phê duyệt và Chương trình hoạt động và Ngân sách được phê duyệt theo quy định của HĐDK.

3. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh do Công ty có vốn góp của PVN tham gia.

a) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn thực hiện EDP, FDP: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP, FDP theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN đối với các EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP, FDP theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

b) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh để thực hiện phần khối lượng công việc tăng thêm so với lần phê duyệt gần nhất, phần khối lượng và giá trị công việc theo EDP, FDP gần nhất không thay đổi: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại



Điều 47 và Điều 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

c) Trình phê duyệt các Báo cáo sử dụng vốn thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh trong các trường hợp khác (ngoài nội dung ở Điểm b Khoản này) so với lần phê duyệt gần nhất: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN trình HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN đối với các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

d) Trên cơ sở các EDP, FDP, EDP điều chỉnh và FDP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các Điều 47, 48 Luật Dầu khí 12/2022/QH15 Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện các EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh nêu trên.

4. Sau khi phê duyệt việc sử dụng vốn, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT PVN về các nội dung đã phê duyệt.

Điều 9. Thẩm quyền thông qua, chấp thuận, phê duyệt, quyết định đối với Dự án dầu khí của VSP (phạm vi ngoài Lô 09-1)

1. Đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh)

- Căn cứ vào phê duyệt của Cấp có thẩm quyền theo pháp luật dầu khí về kết quả lựa chọn nhà thầu ký HĐDK; nội dung HĐDK; điều chỉnh nội dung HĐDK; gia hạn HĐDK... và theo quy định tại Điều lệ hoạt động của VSP, Tổng Giám đốc VSP phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để: tham gia; điều chỉnh dự án đối với các dự án có Dự toán chi phí dưới 30 triệu USD;

- Tổng Giám đốc VSP và ủy viên của PVN trong Hội đồng Liên doanh VSP biểu quyết việc sử dụng vốn của phía VN tại Hội đồng VSP để: tham gia dự án; điều chỉnh dự án đối với các dự án có Dự toán chi phí từ 30 triệu USD trở lên, căn cứ vào kết quả chấp thuận của Hội đồng VSP, Tổng Giám đốc VSP phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để tham gia dự án; điều chỉnh dự án.

Trường hợp Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS hình thành/điều chỉnh từ Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS, Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua việc sử dụng vốn đối với các dự án có Dự toán chi phí dưới 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng.



Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua và báo cáo HĐQT PVN thông qua việc sử dụng vốn đối với các dự án có Dự toán chi phí từ 2.300 (hai nghìn ba trăm) tỷ đồng trở lên. Căn cứ vào chấp thuận của HĐQT PVN, Tổng Giám đốc PVN phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS theo quy định của Quy chế Quản lý Hợp đồng Dầu khí trong nước. Căn cứ vào phê duyệt của PVN về Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS và theo quy định tại Điều lệ hoạt động của VSP,

- Tổng Giám đốc VSP phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để thực hiện dự án đối với các dự án có Dự toán chi phí dưới 30 triệu USD;

- Tổng Giám đốc VSP và ủy viên của PVN trong Hội đồng Liên doanh VSP biểu quyết việc sử dụng vốn của phía VN tại Hội đồng VSP để thực hiện dự án đối với các dự án có Dự toán chi phí từ 30 triệu USD trở lên, căn cứ vào kết quả chấp thuận của Hội đồng VSP, Tổng Giám đốc VSP phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để thực hiện dự án.

2. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) của VSP

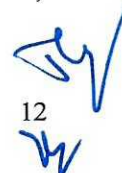
- a) Trên cơ sở kết quả xem xét tại Khoản 4 Điều 22 Quy chế này, không phụ thuộc vào Sơ bộ chi phí đầu tư của toàn dự án, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt ODP, ODP điều chỉnh theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

- b) Trên cơ sở các ODP, ODP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 46 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, Ủy viên PVN trong Hội đồng VSP biểu quyết việc sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) phù hợp với ODP, ODP điều chỉnh được phê duyệt và Chương trình hoạt động và Ngân sách được phê duyệt theo quy định của HĐDK.

3. Thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt việc sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh của VSP

- a) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP, FDP theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN báo cáo HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Tổng giám đốc VSP đối với EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN tại VSP từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP, FDP có Mức vốn góp đầu tư của PVN tại VSP dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

- b) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh để thực hiện phần khối lượng công việc tăng thêm so với lần phê duyệt gần nhất, phần khối lượng và giá trị công việc của EDP, FDP gần nhất không thay đổi: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này, Tổng giám đốc PVN báo cáo HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Tổng giám đốc VSP đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN tại VSP (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh) từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư của PVN tại VSP (cho phần giá trị công việc tăng thêm trong lần điều chỉnh)


12

dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

c) Trình phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh trong các trường hợp khác (ngoài nội dung ở Điểm b Khoản này) so với lần phê duyệt gần nhất: trước khi trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, trên cơ sở kết quả thẩm định tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này: Tổng giám đốc PVN báo cáo HĐQT PVN thông qua Báo cáo sử dụng vốn của Tổng giám đốc VSP đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN tại VSP từ 2.300 tỷ đồng trở lên; trên cơ sở kết quả xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn tại Khoản 4 Điều 23 Quy chế này đối với EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh có Mức vốn góp đầu tư sau điều chỉnh của PVN tại VSP dưới 2.300 tỷ đồng, Tổng giám đốc PVN trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt các EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại các Điều 47 và 48 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

d) Trên cơ sở EDP, FDP, EDP điều chỉnh và FDP điều chỉnh được Cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 47, Điều 48 Luật Dầu khí 12/2022/QH15, ủy viên của PVN trong Hội đồng VSP biểu quyết việc sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh nêu trên theo quy định tại Điều lệ hoạt động của VSP.

4. Tổng giám đốc VSP chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT PVN các nội dung đã được phê duyệt về việc sử dụng vốn.

Mục 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC

Điều 10. Sàng lọc, xác định cơ hội tham gia/đầu tư Dự án dầu khí trong nước

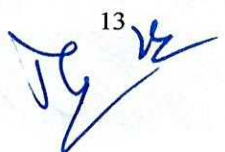
1. Hàng năm, căn cứ Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch về năng lượng, tài nguyên và khoáng sản, danh mục dự án và kế hoạch đầu tư của PVN đã được phê duyệt:

a) Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí có trách nhiệm tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật kết quả hoạt động dầu khí tại các lô dầu khí trong nước để: (i) Đề xuất, xây dựng kế hoạch cho hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí, thăm dò dầu khí bổ sung và phát triển mỏ dầu khí của PVN trong năm tiếp theo; (ii) Đề xuất điều chỉnh kế hoạch tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS hoặc đầu tư Dự án PTMDK của PVN, bao gồm đề xuất kế hoạch tham gia vào các lô dầu khí khác thông qua ký kết HĐDK mới; nghiên cứu TDDKBS đối với các lô dầu khí đang có hoạt động phát triển mỏ/khai thác dầu khí; đánh giá và đề xuất cơ hội chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng tài sản dầu khí.

b) Trưởng đại diện của PVN trong Ủy ban quản lý/Chủ tịch Ủy ban quản lý của HĐDK và Ban đầu mối về quản lý HĐDK có trách nhiệm cập nhật thông tin và chủ động yêu cầu các Ban chức năng liên quan xem xét, đánh giá các cơ hội tham gia về quyền ưu tiên mua trước (Pre-emption right) và/hoặc quyền tham gia của nước chủ nhà (Back-in right) theo quy định của HĐDK để PVN chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết và có thể đưa ra được các quyết định phù hợp, kịp thời theo quy định của từng HĐDK cụ thể.

2. Trường hợp một hoặc một số bên Nhà thầu trong HĐDK có ý định chuyển nhượng quyền lợi tham gia hoặc rút khỏi HĐDK, PVN căn cứ quy định của HĐDK, Thỏa thuận điều hành chung (JOA, nếu có) và quy định pháp luật dầu khí, có thể xem xét, đánh giá đề xuất để trực tiếp thực hiện quyền ưu tiên mua trước hoặc chỉ định Công ty có vốn



13




góp của PVN thực hiện quyền ưu tiên mua trước trên cơ sở các điều kiện chuyển nhượng đã được xác định trong thỏa thuận chuyển nhượng được thống nhất giữa (các) bên Nhà thầu có ý định chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tiềm năng không phải là công ty chi nhánh của bên nhà thầu có ý định chuyển nhượng.

3. Trường hợp có phát hiện dầu khí trong diện tích hợp đồng, căn cứ quy định của HĐDK và quy định của pháp luật dầu khí, PVN có thể xem xét, đánh giá và đề xuất để trực tiếp thực hiện quyền tham gia của nước chủ nhà vào HĐDK hoặc chỉ định Công ty có vốn góp của PVN thực hiện quyền tham gia của nước chủ nhà vào HĐDK.

Điều 11. Quy trình, thủ tục phê duyệt việc sử dụng vốn để tham gia HĐDK

1. Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo, tổ chức đánh giá việc sử dụng vốn của PVN để tham gia HĐDK.

Tùy từng trường hợp, Tổng Giám đốc PVN quyết định một trong các phương án thuê tư vấn, thành lập Tổ công tác hoặc giao Công ty điều hành dầu khí của PVN tổ chức xem xét, đánh giá, lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK.

Việc thuê tư vấn (bao gồm tư vấn pháp lý, tư vấn tài chính, tư vấn/chuyên gia kỹ thuật, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp,... trong nước và nước ngoài) để hỗ trợ PVN trong quá trình xem xét, đánh giá các cơ hội, quyết định việc góp vốn để tham gia HĐDK sẽ do Tổng Giám đốc PVN giao Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí hoặc Ban đầu mối về quản lý HĐDK (tùy từng trường hợp) chủ trì thực hiện.

2. Tham gia vào HĐDK mới

a) PVN trực tiếp góp vốn tham gia HĐDK mới

Tổ công tác lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK mới đồng thời với quá trình đàm phán các điều khoản kinh tế, kỹ thuật và thương mại cơ bản của HĐDK. Nội dung Báo cáo sẽ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu dự kiến công việc sẽ thực hiện sau khi HĐDK được ký kết (TKTDDK hay PTMDK).

Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí của PVN tổ chức thẩm định các điều khoản kinh tế, kỹ thuật và thương mại cơ bản của HĐDK cùng với Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK, báo cáo Tổng Giám đốc PVN thông qua để trình HĐQT PVN xem xét thông qua và trình Cấp có thẩm quyền hồ sơ báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 24 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 20 Nghị định 45/2023/NĐ-CP kèm theo Báo cáo sử dụng vốn để Cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ký kết HĐDK.

b) Công ty có vốn góp của PVN hoặc VSP tham gia HĐDK mới

Sau khi chào thầu, Người đại diện phần vốn của PVN tại công ty có vốn góp của PVN/Tổng giám đốc VSP tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK mới đồng thời với quá trình đàm phán các điều khoản kinh tế, kỹ thuật và thương mại cơ bản của HĐDK. Nội dung Báo cáo sẽ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu dự kiến công việc sẽ thực hiện sau khi HĐDK được ký kết (TKTDDK hay PTMDK).

Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí của PVN tổ chức thẩm định các điều khoản kinh tế, kỹ thuật và thương mại cơ bản của HĐDK do nhà thầu dầu khí trình PVN cùng với Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK do Người đại diện phần vốn của PVN tại

công ty có vốn góp của PVN/Tổng giám đốc VSP trình PVN, báo cáo Tổng Giám đốc PVN thông qua để trình HĐQT PVN xem xét thông qua và trình Cấp có thẩm quyền hồ sơ Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 24 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 20 Nghị định 45/2023/NĐ-CP kèm theo Báo cáo sử dụng vốn để Cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận/phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ký kết HĐDK.

3. Tham gia vào HĐDK hiện hữu, tăng tỷ lệ tham gia vào HĐDK hiện hữu

a) PVN trực tiếp góp vốn tham gia vào HĐDK hiện hữu, tăng tỷ lệ góp vốn vào HĐDK hiện hữu

Tổ công tác lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK trên cơ sở rà soát thực hiện quyền tham gia và/hoặc quyền ưu tiên mua trước vào HĐDK của nước chủ nhà theo quy định của HĐDK hoặc các hình thức tham gia khác. Nội dung Báo cáo sử dụng vốn sẽ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu, dự kiến công việc sẽ thực hiện sau khi tham gia/tăng tỷ lệ tham gia tại HĐDK (TKTDDK hay PTMDK).

Ban đầu mỗi quản lý Dự án dầu khí của PVN tổ chức thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK, báo cáo Tổng Giám đốc PVN thông qua để trình HĐQT PVN xem xét thông qua và trình Cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 23 Nghị định 45/2023/NĐ-CP về việc điều chỉnh nội dung HĐDK hoặc theo quy định tại Điều 39 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 34 Nghị định 45/2023/NĐ-CP về việc thực hiện quyền tham gia và quyền ưu tiên mua trước kèm theo Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK để Cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận/phê duyệt việc điều chỉnh nội dung HĐDK hoặc việc thực hiện quyền tham gia và quyền ưu tiên mua trước.

b) Công ty có vốn góp của PVN tham gia vào HĐDK hiện hữu, tăng tỷ lệ tham gia vào HĐDK hiện hữu

Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK trên cơ sở rà soát thực hiện quyền tham gia vào HĐDK của nước chủ nhà theo quy định của HĐDK, quyền ưu tiên mua trước của nước chủ nhà theo quy định của HĐDK (trường hợp Công ty có vốn góp PVN được PVN chỉ định thực hiện các quyền của nước chủ nhà) hoặc các hình thức tham gia khác. Nội dung Báo cáo sử dụng vốn sẽ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu, dự kiến công việc sẽ thực hiện sau khi tham gia/tăng tỷ lệ tham gia tại Hợp đồng dầu khí (TKTDDK hay PTMDK).

Ban đầu mỗi quản lý Dự án dầu khí của PVN tổ chức thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK do Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN trình PVN, báo cáo Tổng Giám đốc PVN thông qua để trình HĐQT PVN xem xét thông qua và trình Cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 23 Nghị định 45/2023/NĐ-CP về việc điều chỉnh nội dung HĐDK hoặc theo quy định tại Điều 39 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 34 Nghị định 45/2023/NĐ-CP về việc thực hiện quyền tham gia và quyền ưu tiên mua trước kèm theo Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Hợp đồng dầu khí để Cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận/phê duyệt việc điều chỉnh nội dung HĐDK hoặc việc thực hiện quyền tham gia và quyền ưu tiên mua trước.

c) VSP tham gia vào HĐDK hiện hữu, tăng tỷ lệ tham gia vào HĐDK hiện hữu



Tổng giám đốc VSP tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HDDK trên cơ sở kết quả đấu thầu, thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia vào HDDK. Nội dung Báo cáo sẽ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu, dự kiến công việc sẽ thực hiện sau khi tham gia/tăng tỷ lệ tham gia tại HDDK (TKTDDK hay PTMDK).

Ban đầu mỗi quản lý Dự án dầu khí của PVN tổ chức thẩm định Báo cáo sử dụng vốn do Tổng giám đốc VSP trình PVN để tham gia HDDK, báo cáo Tổng Giám đốc PVN thông qua để trình HĐQT PVN xem xét thông qua và trình Cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 23 Nghị định 45/2023/NĐ-CP về việc điều chỉnh nội dung HDDK kèm theo Báo cáo sử dụng vốn để Cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận/phê duyệt việc điều chỉnh nội dung HDDK.

4. Phê duyệt/quyết định góp vốn tham gia vào HDDK

Trên cơ sở phê duyệt của Cấp có thẩm quyền về nội dung HDDK theo Điều 26 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 21 Nghị định 45/2023/NĐ-CP; điều chỉnh nội dung HDDK theo Điều 28 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 23 Nghị định 45/2023/NĐ-CP; thực hiện quyền tham gia, quyền ưu tiên mua trước của nước chủ nhà theo Điều 39 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 và Điều 34 Nghị định 45/2023/NĐ-CP, Tổng Giám đốc PVN, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN quyết định việc góp vốn tham gia Dự án dầu khí, Dự án dầu khí thành phần; Ủy viên của PVN tại Hội đồng VSP biểu quyết quyết định việc góp vốn tham gia Dự án dầu khí, Dự án dầu khí thành phần theo quy định tại Điều lệ hoạt động của VSP.

5. Quy trình, thủ tục liên quan chuyển nhượng quyền lợi tham gia trong Dự án dầu khí

a. Đối với Dự án dầu khí do PVN trực tiếp góp vốn tham gia

Tổng Giám đốc PVN báo cáo HĐQT PVN xem xét, thông qua và trình Cấp có thẩm quyền quyết định/phê duyệt từng bước đối với (i) Chủ trương chuyển nhượng; (ii) Phương án chuyển nhượng; (iii) Các điều kiện chuyển nhượng chính đạt được; và (iv) Thỏa thuận Chuyển nhượng (cùng với hồ sơ điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh đối với HDDK liên quan theo quy định của pháp luật dầu khí).

Tùy từng trường hợp, Tổng Giám đốc PVN quyết định phương án thuê tư vấn hoặc lập Tổ công tác hoặc giao Công ty điều hành dầu khí của PVN tổ chức xem xét, đánh giá, xác định giá trị khởi điểm và xây dựng phương án chuyển nhượng theo thông lệ áp dụng trong lĩnh vực dầu khí và quy định của pháp luật dầu khí.

Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo (i) xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết; tổ chức chào bán và làm việc với các đối tác; (ii) đánh giá các chào thầu; (iii) Lựa chọn đối tác tiềm năng trên cơ sở phương án chuyển nhượng đã được Cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành Báo cáo kết quả đánh giá các điều kiện chuyển nhượng chính đạt được để trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt; (iv) Đàm phán và ký kết Thỏa thuận Chuyển nhượng; (v) Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật dầu khí và HDDK liên quan về việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật dầu khí hiện hành.

b. Đối với Dự án dầu khí do Công ty có vốn góp của PVN tham gia

Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN báo cáo PVN xem xét, thông qua và trình Cấp có thẩm quyền quyết định/phê duyệt (i) Chủ trương chuyển nhượng; (ii) Phương án chuyển nhượng; (iii) Các điều kiện chuyển nhượng chính đạt được;



và (iv) Thỏa thuận Chuyển nhượng (cùng với hồ sơ điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh đối với HĐDK liên quan theo quy định của pháp luật dầu khí).

Điều 12. Việc tham gia dự thầu, đàm phán mua tài sản dầu khí của PVN

1. Để PVN thực hiện mua quyền lợi tham gia của các nhà thầu trong HĐDK, đồng thời với việc chuẩn bị lập Báo cáo sử dụng vốn để góp vốn tham gia/đầu tư Dự án dầu khí, PVN chủ động lập phương án chào thầu, phương án đàm phán và triển khai đàm phán với đối tác.

2. Căn cứ kết quả đàm phán, thống nhất với các nhà thầu có ý định chuyển nhượng; căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí hoặc quản lý Hợp đồng dầu khí, Tổng Giám đốc PVN quyết định một trong các phương án: thuê tư vấn; lập Tổ công tác; hoặc giao Công ty điều hành dầu khí của PVN tổ chức xem xét, cập nhật, hoàn thiện Báo cáo sử dụng vốn để tham gia/đầu tư Dự án dầu khí, Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí đầu mối tổ chức công tác thẩm định Dự án dầu khí, đồng thời Ban QLHĐ đầu mối thực hiện các thủ tục phê duyệt chuyển nhượng quyền lợi tham gia trong HĐDK theo quy định của pháp luật dầu khí.

3. Trường hợp trúng thầu nhưng đàm phán không thành công, Tổng Giám đốc PVN báo cáo HĐQT PVN kết quả dự thầu và hoàn tất các thủ tục quyết toán chi phí liên quan theo quy định.

Điều 13. Quản lý thực hiện Dự án dầu khí của PVN theo các dự án thành phần

1. Trong quá trình thực hiện Dự án TKTDDK, trước khi thực hiện chuyển giai đoạn theo quy định tại HĐDK, Ban đầu mối về quản lý Dự án TKTDDK chủ trì đề xuất Tổng Giám đốc PVN quyết định thành lập Tổ công tác hoặc thuê tư vấn lập Báo cáo kết thúc giai đoạn để nghiệm thu kết quả thực hiện và ghi nhận chi phí, đồng thời cập nhật Dự án TKTDDK nhằm đề xuất thông qua và xem xét phê duyệt/quyết định Dự án TKTDDK thành phần cho giai đoạn tiếp theo.

2. Trường hợp có phát hiện dầu khí thương mại trong diện tích hợp đồng, Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí của PVN đề xuất Tổng Giám đốc PVN quyết định thành lập Tổ công tác hoặc thuê tư vấn/giao công ty điều hành dầu khí của PVN lập Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) (các nghiên cứu, đánh giá, lập ODP, EDP, FDP, Pre-FEEF, FEED...), đến hình thành dự án theo quy định tại HĐDK và Luật dầu khí số 12/2022/QH15.

3. Đối với các Dự án PTMDK, căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí, Tổng Giám đốc PVN quyết định một trong các phương án: thuê tư vấn; lập Tổ công tác; hoặc giao Công ty điều hành dầu khí lập Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh, trình Cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật Dầu khí. PVN đồng thời với tư cách là Bên Nhà thầu xem xét cho ý kiến đối với EDP, FDP (bao gồm EDP, FDP điều chỉnh) do Người điều hành trình theo quy định của HĐDK.

4. Trường hợp điều chỉnh Dự án dầu khí do gia hạn thời gian thực hiện giai đoạn tìm kiếm thăm dò hoặc thời gian của HĐDK:

a) Đối với trường hợp gia hạn nhưng không bổ sung cam kết công việc/không thay đổi hạng mục công việc chính và Dự toán chi phí/Mức vốn góp đầu tư vẫn trong giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Quy chế này, Tổng Giám đốc PVN phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án dầu khí phù hợp với thời gian được gia hạn.



b) Đối với trường hợp gia hạn có bổ sung cam kết công việc/có thay đổi hạng mục công việc chính và Dự toán chi phí/Mức vốn góp đầu tư phải điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Quy chế này, căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí, Tổng Giám đốc PVN quyết định một trong các phương án: thuê tư vấn; lập Tổ công tác; hoặc giao Công ty điều hành dầu khí lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia/đầu tư Dự án dầu khí điều chỉnh, Ban TKTD đầu mối tổ chức công tác thẩm định Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS điều chỉnh hoặc Ban KTDK đầu mối tổ chức công tác thẩm định Dự án PTMDK điều chỉnh. Tổng giám đốc PVN thông qua kết quả thẩm định, quyết định/phê duyệt hoặc thông qua, trình HĐQT PVN quyết định/phê duyệt theo phân cấp quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Điều 14. Quản lý thực hiện Dự án dầu khí theo chi phí

1. PVN thống nhất quản lý thực hiện Dự án dầu khí theo nội dung đã được Cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức xây dựng, thực hiện Chương trình hoạt động và Ngân sách hàng năm, trong đó gồm:

- Chi phí nằm trong giới hạn Dự toán chi phí đã được phê duyệt;
- Chi phí đầu tư nằm trong giới hạn Mức vốn góp đầu tư đã được phê duyệt;
- Các chi phí khác (nằm ngoài phạm vi được Cấp có thẩm quyền phê duyệt, ví dụ: chi phí tài chính).

2. Trong quá trình thực hiện, Dự án dầu khí phải điều chỉnh do Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS điều chỉnh, ODP, EDP, FDP điều chỉnh theo quy định của Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN/ Ban đầu mối về quản lý dự án; Người đại diện phần vốn của PVN tại công ty có vốn góp của PVN; Tổng giám đốc VSP chỉ đạo, tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia/đầu tư Dự án dầu khí điều chỉnh theo Điều 17, Điều 18, Điều 22 và Điều 23 Quy chế này.

Căn cứ vào phê duyệt về Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS điều chỉnh, ODP, EDP, FDP điều chỉnh của Cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, Nhà đầu tư phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để thực hiện Dự án dầu khí điều chỉnh theo phân cấp quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy chế này.

3. Trường hợp chi phí thực hiện Dự án dầu khí vượt Dự toán chi phí/Mức vốn góp đầu tư đã được phê duyệt do phát sinh vấn đề kỹ thuật hoặc sự cố nghiêm trọng trong quá trình triển khai hoạt động tìm kiếm thăm dò thăm lượng ngoài thực địa, việc hoàn thiện Dự án dầu khí điều chỉnh được thực hiện như sau:

a) Đối với Dự án dầu khí của PVN, Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định về quy trình xem xét và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phát sinh/sự cố nghiêm trọng theo quy định của PVN về quản lý HĐDK trong nước và các điều khoản trong HĐDK đã được phê duyệt;

b) Đối với Dự án dầu khí của PVN do Công ty điều hành dầu khí của PVN thực hiện hoặc do PVN tham gia góp vốn, trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng (môi trường, an ninh quốc phòng và các sự kiện bất khả kháng khác), để đáp ứng yêu cầu về tiến độ thi công bảo đảm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đã phê duyệt thì ngoài việc tiếp tục hoàn thành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của HĐDK, Công ty điều hành dầu khí của PVN/Người điều hành phải kịp thời báo cáo PVN và Cấp có thẩm quyền liên quan



về tình trạng vụ việc, nguyên nhân, giải pháp khắc phục, sơ bộ mức độ thiệt hại do sự cố gây ra không muộn hơn 05 (năm) ngày làm việc để ghi nhận và làm cơ sở xem xét chấp thuận/phê duyệt phát sinh chi phí sau này (nếu có). Đồng thời, trong vòng 90 ngày làm việc, Công ty điều hành dầu khí của PVN/Người điều hành phải báo cáo chi tiết, trong đó làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm, kết quả khắc phục sự cố, mức độ, hậu quả thiệt hại và chi phí phát sinh trình Cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 15. Quản lý thực hiện Dự án dầu khí có sự tham gia của PVN, Công ty có vốn góp của PVN và VSP

Đối với Dự án dầu khí có sự tham gia đồng thời của PVN, Công ty có vốn góp của PVN và VSP (các Nhà đầu tư), PVN yêu cầu các Nhà đầu tư phải thống nhất nội dung kỹ thuật, phương án triển khai trước khi trình PVN thông qua/chấp thuận/phê duyệt.

Trường hợp các Nhà đầu tư có nội dung đánh giá kỹ thuật, kinh tế khác nhau, PVN với tư cách là nước chủ nhà có trách nhiệm chủ trì làm việc để các Nhà đầu tư thống nhất nội dung kỹ thuật, kinh tế, phương án triển khai trước trình Cấp có thẩm quyền chấp thuận/phê duyệt. Trường hợp các bên không thể thống nhất ý kiến, PVN (có thể tham vấn Tư vấn độc lập) ra quyết định cuối cùng.



CHƯƠNG III
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC

Mục 1
DỰ ÁN TÌM KIẾM THẨM DÒ DẦU KHÍ VÀ
DỰ ÁN THẨM DÒ DẦU KHÍ BỔ SUNG

Điều 16. Hồ sơ Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh)

1. Căn cứ vào quy định tại Điều 44 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, Người điều hành thay mặt các nhà thầu dầu khí trong Hợp đồng dầu khí trình PVN Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) để xem xét, phê duyệt trước khi triển khai các hoạt động dầu khí tương ứng.

Hồ sơ hình thành Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) gồm:

- a) Tờ trình PVN xem xét, phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh);
- b) Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) do Người điều hành Hợp đồng dầu khí trình PVN phê duyệt với vai trò nước chủ nhà;
- d) Báo cáo sử dụng vốn do Nhà đầu tư lập với vai trò nhà thầu tham gia trong Hợp đồng dầu khí.
- e) Báo cáo của Hội đồng TKTD và Biên bản họp Hội đồng TKTD;
- f) Các văn bản pháp lý liên quan.

Điều 17. Lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh)

1. Việc lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) được thực hiện không muộn hơn thời điểm Nhà đầu tư thực hiện việc phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS với vai trò Nhà thầu tham gia trong Hợp đồng dầu khí nhằm thống nhất với Người điều hành để trình PVN xem xét, phê duyệt với vai trò nước chủ nhà theo Hợp đồng dầu khí.

a) Đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) do PVN trực tiếp góp vốn tham gia mà không là Người điều hành, căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh), Tổng Giám đốc PVN quyết định một trong các phương án: thuê tư vấn; lập Tổ công tác lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh);

b) Đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) của PVN do Công ty điều hành dầu khí của PVN là Người điều hành, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc công ty điều hành dầu khí của PVN tổ chức lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh);



20



c) Đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) do Công ty có vốn góp của PVN là Người điều hành và/hoặc góp vốn tham gia; do VSP là Người điều hành và/hoặc góp vốn tham gia, Người đại diện phần vốn của PVN/Tổng Giám đốc VSP tổ chức lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia dự án (bao gồm cả dự án điều chỉnh) theo quy định nội bộ của Công ty có vốn góp của PVN, của VSP.

2. Nội dung chính của Báo cáo sử dụng vốn

Ngoài các nội dung chính quy định cụ thể dưới đây, có thể rút gọn/bổ sung các nội dung khác phù hợp với đặc điểm của từng trường hợp riêng biệt, ví dụ đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS điều chỉnh cần nêu rõ lý do, mục đích điều chỉnh.

a) Tóm tắt các nội dung kỹ thuật chủ yếu của HỖDK, Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh);

b) Đánh giá cụ thể việc sử dụng vốn cho phần vốn góp thực hiện, Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) của Nhà đầu tư;

c) Đánh giá rủi ro tương ứng với phần quyền lợi tham gia tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động tìm kiếm, thăm dò, thăm lường của Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) theo từng trường hợp cụ thể như sau:

- Đánh giá tài nguyên dầu khí, xác suất thành công phát hiện dầu khí thương mại đối với trường hợp chỉ có các hoạt động tìm kiếm dầu khí;

- Đánh giá tài nguyên dầu khí, đánh giá rủi ro, chi phí rủi ro theo phương pháp cây quyết định đối với trường hợp có các hoạt động thăm dò dầu khí;

- Đánh giá tài nguyên dầu khí, đánh giá rủi ro, giá trị rủi ro theo phương pháp giá trị kỳ vọng-EMV đối với trường hợp có các hoạt động thăm lường dầu khí.

d) Dự toán chi phí cụ thể phần vốn góp của Nhà đầu tư;

e) Phương án thu xếp vốn và nguồn vốn;

f) Kết luận và kiến nghị.

Điều 18. Thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh)

Việc thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) được thực hiện cùng với việc thẩm định đề trình Cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ký HỖDK; nội dung HỖDK; điều chỉnh nội dung HỖDK; gia hạn HỖDK...và xem xét phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) được quy định tại Quy chế Quản lý Hợp đồng Dầu khí trong nước. Các thành viên tham gia lập Báo cáo sử dụng vốn không tham gia thẩm định.

1. Đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh)

a) Do PVN trực tiếp góp vốn tham gia mà không là Người điều hành, Báo cáo sử dụng vốn được lập theo quy định tại Điều 17 Quy chế này là một phần/nội dung được Hội đồng TKTD xem xét, thẩm định cùng với việc:

- Thẩm định các nội dung liên quan HỖDK bao gồm lựa chọn nhà thầu ký HỖDK; nội dung HỖDK; điều chỉnh nội dung HỖDK; gia hạn HỖDK..., trình Tổng Giám đốc PVN thông qua, trình HĐQT PVN xem xét thông qua Báo cáo sử dụng vốn trước khi trình

21

Cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt các nội dung liên quan HĐDK theo quy định của pháp luật dầu khí.

- Thẩm định Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh), trình Tổng Giám đốc PVN xem xét phê duyệt Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) hoặc thông qua và trình HĐQT PVN phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) theo phân cấp quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.

b) Do Công ty điều hành dầu khí của PVN/Công ty có vốn góp của PVN/VSP là Người điều hành, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc công ty điều hành dầu khí của PVN/Người đại diện phần vốn của PVN/Tổng Giám đốc VSP tổ chức thẩm định dự án theo quy định nội bộ của Công ty điều hành dầu khí của PVN, của Công ty có vốn góp của PVN, của VSP. Báo cáo sử dụng vốn để tham gia dự án của Công ty điều hành dầu khí của PVN/Công ty có vốn góp của PVN/VSP trình PVN được thẩm định cùng với việc:

- Thẩm định các vụ việc liên quan HĐDK như: Lựa chọn nhà thầu ký HĐDK; Nội dung HĐDK; Điều chỉnh nội dung HĐDK; Gia hạn HĐDK..., trình Tổng Giám đốc PVN thông qua, trình HĐQT PVN xem xét thông qua trước khi trình Cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt các nội dung liên quan HĐDK theo quy định của pháp luật dầu khí.

- Thẩm định Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh), trình Tổng Giám đốc PVN xem xét phê duyệt các nội dung liên quan HĐDK theo quy định của pháp luật dầu khí.

Căn cứ vào phê duyệt của Cấp có thẩm quyền và PVN về các nội dung liên quan HĐDK theo quy định của pháp luật dầu khí, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN/Người đại diện phần vốn của PVN/Tổng Giám đốc VSP phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn để thực hiện dự án.

c) Nhà đầu tư có thể xem xét thuê đơn vị thẩm định độc lập và/hoặc tham vấn ý kiến chuyên gia đối với Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS cùng Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS trước khi trình Cấp có thẩm quyền.

d) Chi phí thẩm định/thuê thẩm định độc lập hoặc xin ý kiến chuyên gia phù hợp các quy định liên quan của Nhà đầu tư.

2. Nội dung thẩm định Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hồ sơ hợp lệ, Nhà đầu tư hoàn thành thẩm định Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS và Báo cáo sử dụng vốn.

Báo cáo của Hội đồng TKTD và Biên bản họp Hội đồng TKTD cần đánh giá, kết luận và kiến nghị về: (i) Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) với vai trò nước chủ nhà; (ii) Việc sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) để thực hiện Hợp đồng dầu khí với vai trò Nhà đầu tư thực hiện dự án.

4. Việc thẩm định Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh) cùng Báo cáo sử dụng vốn của Công ty điều hành dầu khí của PVN, Công ty có vốn góp của PVN và VSP được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty đó và của VSP trước khi trình PVN xem xét thông qua/phê duyệt.


22


Điều 19. Trình tự thông qua và Phê duyệt/Quyết định Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh)

Hồ sơ quy định theo pháp luật dầu khí về HDDK bao gồm lựa chọn nhà thầu ký HDDK; nội dung HDDK; điều chỉnh nội dung HDDK; gia hạn HDDK... kèm theo Báo cáo sử dụng vốn được Người điều hành và/hoặc Nhà đầu tư trình PVN theo quy định tại Quy chế Quản lý Hợp đồng Dầu khí trong nước được Tổng Giám đốc PVN xem xét, thông qua và báo cáo HĐTV PVN thông qua trước khi trình Cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Căn cứ vào phê duyệt của Cấp có thẩm quyền theo pháp luật dầu khí về HDDK và PVN về Chương trình TKTDDK/Chương trình TDDKBS (bao gồm cả chương trình điều chỉnh), Nhà đầu tư tổ chức cập nhật, hoàn thiện Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm cả dự án điều chỉnh) và phê duyệt/quyết định theo phân cấp quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy chế này.

Điều 20. Hồ sơ trình phê duyệt tạm dừng hoặc kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS

Hồ sơ trình phê duyệt tạm dừng hoặc kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS do PVN trực tiếp góp vốn tham gia, gồm:

- a) Tờ trình xem xét quyết định việc tạm dừng hoặc kết thúc dự án;
- b) Báo cáo tạm dừng hoặc Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS. Báo cáo do Tổ trưởng Tổ lập Báo cáo/tư vấn ký phê duyệt vào trang đầu; các Nhóm trưởng/thành viên Tổ ký trang tiếp theo và đóng dấu giáp lai vào các trang;
- c) Tóm tắt Báo cáo tạm dừng hoặc Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS;
- d) Báo cáo của Hội đồng TKTD và Biên bản họp Hội đồng TKTD của PVN hoặc Báo cáo thẩm định của tư vấn do PVN thuê thực hiện (nếu có);
- e) Các văn bản pháp lý liên quan.

Điều 21. Lập Báo cáo tạm dừng, Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS do PVN trực tiếp góp vốn tham gia

Căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS, Tổng Giám đốc PVN quyết định phương án thuê tư vấn hoặc thành lập Tổ lập Báo cáo/giao Công ty điều hành dầu khí của PVN lập Báo cáo tạm dừng hoặc Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS.

1. Lập Báo cáo tạm dừng Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS

1.1. Trong quá trình triển khai, khi kết quả đánh giá cập nhật không thỏa mãn các tiêu chí đánh giá của PVN hoặc do sự kiện bất khả kháng (môi trường, an ninh quốc phòng...) buộc phải tạm dừng triển khai hoạt động tìm kiếm thăm dò thăm lượng dầu khí để khắc phục, Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo, tổ chức triển khai lập Báo cáo tạm dừng Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS.

1.2. Nội dung chính của Báo cáo tạm dừng Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS như sau:

- a) Cơ sở pháp lý;



b) Khái quát nội dung cơ bản của Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS đã được phê duyệt;

c) Tình hình triển khai Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS; đánh giá, so sánh với các nội dung thực hiện với phê duyệt;

d) Nguyên nhân tạm dừng Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS;

e) Đánh giá thực trạng và các vấn đề phát sinh (nếu có) trong trường hợp tạm dừng Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS. So sánh chi phí thực hiện với Báo cáo sử dụng vốn được duyệt, đánh giá nguyên nhân tăng/giảm;

f) Kế hoạch và cam kết về việc tiếp tục thực hiện Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (nếu có);

g) Các vướng mắc, kiến nghị.

2. Lập Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS

2.1. Tổng Giám đốc PVN chỉ đạo, tổ chức lập Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS trong các trường hợp sau:

a) Kết quả đánh giá cập nhật của Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS không đáp ứng được các mục tiêu đề ra của PVN (kết quả TKTD không thành công, kết quả đánh giá không đáp ứng các tiêu chí của PVN);

b) PVN chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia trong HĐDK;

c) Kết thúc thời hạn HĐDK mà không được phép gia hạn;

d) Do một số nguyên nhân bất khả kháng (môi trường, an ninh quốc phòng...);

e) Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS không thể khởi động trở lại sau thời gian tạm dừng; hoặc

f) Các nguyên nhân khác ngoài các trường hợp nêu trên tùy thuộc vào đặc điểm của từng trường hợp cụ thể.

2.2. Nội dung chính của Báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS bao gồm:

- Tổng quan Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS;

- Cơ sở pháp lý;

- Tình hình thực hiện và kết quả đạt được của Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (trong đó phải có nội dung về tình hình thực hiện các cam kết công việc trong các giai đoạn tương ứng của Hợp đồng đầu khí);

- Chi phí thực hiện. So sánh chi phí thực hiện với Báo cáo sử dụng vốn được duyệt, đánh giá nguyên nhân tăng/giảm; giá trị chuyển nhượng (nếu có, trong trường hợp PVN chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia trong HĐDK);

- Nguyên nhân kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS: về kỹ thuật, rủi ro và các lý do khác;

- Đánh giá các vấn đề pháp lý và các vấn đề liên quan khi kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS (bao gồm nội dung về kết quả rà soát việc hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định của HĐDK liên quan);

- Kết luận, kiến nghị.



Mục 2 DỰ ÁN PHÁT TRIỂN MỎ DẦU KHÍ

Điều 22. Lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK)

1. Trong quá trình Người điều hành lập và trình PVN ODP/ODP điều chỉnh, Tổ công tác lập Báo cáo sử dụng vốn đối với trường hợp PVN trực tiếp góp vốn tham gia và Người điều hành không phải là Công ty điều hành dầu khí của PVN; Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn của PVN đối với trường hợp PVN trực tiếp góp vốn tham gia và Người điều hành là Công ty điều hành dầu khí của PVN; Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn đối với trường hợp Công ty có vốn góp của PVN góp vốn tham gia; Tổng Giám đốc VSP tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn của VSP, làm cơ sở để Cấp có thẩm quyền phê duyệt ODP, ODP điều chỉnh.

2. Đồng thời với thời điểm Người điều hành trình ODP, ODP điều chỉnh, Tổ công tác hoặc Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Tổng giám đốc VSP trình PVN Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) tương ứng tại Khoản 1 của Điều này.

3. Đối với trường hợp PVN trực tiếp tham gia và Người điều hành không phải là Công ty điều hành dầu khí của PVN, Ban KTDK đầu mối tổ chức thẩm định đồng thời ODP, ODP điều chỉnh và Báo cáo sử dụng vốn của PVN để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK).

4. Đối với các trường hợp PVN trực tiếp tham gia mà Người điều hành là Công ty điều hành dầu khí của PVN và trường hợp PVN không trực tiếp tham gia, Ban KTDK đầu mối tổ chức thẩm định ODP, ODP điều chỉnh đồng thời với việc xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện ODP, ODP điều chỉnh (chuẩn bị PTMDK) do Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Tổng giám đốc VSP trình.

5. Khi trình Bộ Công Thương ODP, ODP điều chỉnh theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, Tổng giám đốc PVN trình kèm theo các Báo cáo sử dụng vốn đã được thông qua tại Khoản 3 của Điều này hoặc Báo cáo sử dụng vốn của Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Báo cáo sử dụng vốn của Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Báo cáo sử dụng vốn của Tổng giám đốc VSP đã được xem xét tại Khoản 4 của Điều này.

Điều 23. Lập, thẩm định các Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện EDP, FDP

1. Trong quá trình Người điều hành lập và trình PVN EDP, FDP, EDP điều chỉnh và FDP điều chỉnh, Tổ công tác lập Báo cáo sử dụng vốn đối với trường hợp PVN trực tiếp góp vốn tham gia và Người điều hành không phải là Công ty điều hành dầu khí của PVN; Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn đối với trường hợp PVN trực tiếp góp vốn và Người điều hành là Công ty điều hành dầu khí của PVN; Người đại diện phần vốn PVN tại Công ty có vốn góp của PVN tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn đối với trường hợp Công ty có vốn góp của PVN góp vốn tham gia; Tổng Giám đốc VSP tổ chức lập, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn của VSP.



2. Đồng thời với thời điểm Người điều hành trình EDP, FDP, EDP điều chỉnh và FDP điều chỉnh, Tổ công tác hoặc Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Tổng giám đốc VSP trình PVN Báo cáo sử dụng vốn tương ứng tại Khoản 1 của Điều này.

3. Đối với trường hợp PVN trực tiếp tham gia và Người điều hành không phải là Công ty điều hành dầu khí của PVN, Ban KTDK đầu mối tổ chức thẩm định đồng thời EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh và Báo cáo sử dụng vốn của PVN để thực hiện EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh.

4. Đối với trường hợp PVN trực tiếp tham gia và Người điều hành là Công ty điều hành dầu khí của PVN và trường hợp PVN không trực tiếp góp vốn, Ban KTDK chủ trì tổ chức thẩm định các EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh đồng thời với việc thẩm định Báo cáo sử dụng vốn (đối với trường hợp Mức vốn góp đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên) hoặc xem xét tính phù hợp của Báo cáo sử dụng vốn (đối với trường hợp Mức vốn góp đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng) do Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Tổng giám đốc VSP trình.

5. Khi trình Bộ Công Thương các EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, Tổng giám đốc PVN trình kèm theo các Báo cáo sử dụng vốn của PVN đã được thông qua tại Khoản 3 Điều này và/hoặc Báo cáo sử dụng vốn của Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Báo cáo sử dụng vốn của Tổng giám đốc VSP đã được thẩm định/xem xét tại Khoản 4 Điều này.

Điều 24. Lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án PTMDK và lập Báo cáo về việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia trong HĐDK

Căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối quản lý Dự án PTMDK, Tổng Giám đốc PVN quyết định phương án thuê tư vấn hoặc giao Tổ công tác hoặc Giám đốc Chi nhánh/TGD Công ty điều hành dầu khí của PVN và/hoặc Người đại diện phần vốn PVN tại Công ty có vốn góp của PVN và/hoặc Tổng giám đốc VSP tổ chức lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia Dự án PTMDK.

Ngoài các nội dung chính quy định cụ thể dưới đây, các nội dung khác phù hợp với đặc điểm của từng trường hợp riêng biệt có thể được bổ sung.

1. Lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia vào HĐDK, sau khi tham gia sẽ thực hiện công tác chuẩn bị PTMDK

- a) Mục tiêu, sự cần thiết;
- b) Căn cứ pháp lý;
- c) Tổng quan về HĐDK;
- d) Tóm tắt quá trình triển khai hoạt động dầu khí và kết quả thực hiện HĐDK (nếu có), bao gồm nội dung báo cáo về chi phí kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng cho tới thời điểm có tuyên bố phát hiện thương mại đầu tiên (chi phí quá khứ);
- e) Đặc điểm địa chất, hệ thống dầu khí, trữ lượng và tiềm năng dầu khí;
- f) Kế hoạch/tiến độ thực hiện, khối lượng công việc;


26


g) Dự kiến Sơ bộ chi phí đầu tư, phân tích đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế của toàn dự án (NPV, IRR, thời gian hoàn vốn...) và phần đầu tư theo tỷ lệ tương ứng của Nhà đầu tư

h) Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn;

i) Kết luận và kiến nghị;

k) Các phụ lục (nếu có).

2. Lập Báo cáo sử dụng vốn làm cơ sở để Cấp có thẩm quyền phê duyệt ODP, ODP điều chỉnh (khi nhà đầu tư đã là nhà thầu trong HĐDK)

a) Căn cứ pháp lý;

b) Tóm tắt các thông số chính của phương án được lựa chọn tại ODP, ODP điều chỉnh;

c) Dự kiến Sơ bộ chi phí đầu tư, phân tích đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế của toàn dự án (NPV, IRR, thời gian hoàn vốn...) và phần đầu tư theo tỷ lệ tương ứng của Nhà đầu tư;

d) Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn;

e) Kết luận và kiến nghị;

f) Các phụ lục (nếu có).

3. Lập Báo cáo sử dụng vốn để tham gia HĐDK, sau khi tham gia sẽ thực hiện công tác PTMDK

a) Các căn cứ pháp lý;

b) Tổng quan về HĐDK (nêu rõ tỷ lệ dự kiến tham gia);

c) Tóm tắt quá trình triển khai hoạt động dầu khí và kết quả thực hiện HĐDK;

d) Giới thiệu nội dung và mục đích của Báo cáo;

- Quy mô Dự án PTMDK;

- Đặc điểm địa chất, hệ thống dầu khí, trữ lượng dầu khí;

- Các vấn đề kỹ thuật liên quan PTMDK, gồm: kết quả nghiên cứu đặc điểm địa chất mỏ; các nghiên cứu về mô hình mô phỏng mỏ, công nghệ mỏ và thiết kế khai thác; các thông tin về công nghệ khai thác, công nghệ khoan và hoàn thiện giếng; các thông tin về chi phí của dự án;

- Tính toán Mức vốn góp đầu tư, phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của toàn bộ Dự án PTMDK (NPV, IRR, thời gian hoàn vốn) và của Nhà đầu tư theo phần vốn góp;

- Phân tích đánh giá và kế hoạch giảm thiểu rủi ro của Dự án phát triển khai thác mỏ dầu khí;

- Tiến độ, lịch trình thực hiện.

e) Nguồn vốn/Phương án sử dụng vốn để tham gia và triển khai công việc;

f) Kết luận và kiến nghị;

g) Các phụ lục (nếu có).

27

27
AN
TI
AM
HA



4. Lập Báo cáo sử dụng vốn để thực hiện công tác PTMDK (nhà đầu tư đã là nhà thầu trong HDDK)

- a) Các căn cứ pháp lý;
- b) Tóm tắt các thông số chính của phương án được lựa chọn tại EDP, FDP, EDP điều chỉnh, FDP điều chỉnh;
- c) Tính toán chi phí đầu tư, phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của toàn bộ Dự án PTMDK (NPV, IRR, thời gian hoàn vốn) và của Nhà đầu tư theo phần vốn góp;
- d) Nguồn vốn/Phương án sử dụng vốn để tham gia và triển khai công việc;
- e) Kết luận và kiến nghị;
- f) Các phụ lục (nếu có).

5. Lập Báo cáo về việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia trong HDDK

5.1. Báo cáo đề xuất chủ trương chuyển nhượng

- a) Tóm tắt quá trình triển khai hoạt động dầu khí và kết quả thực hiện của HDDK;
- b) Lý do chuyển nhượng, mục tiêu chuyển nhượng;
- c) Cơ sở pháp lý liên quan trong quá trình thực hiện chuyển nhượng;
- d) Kế hoạch thực hiện và Kiến nghị.

5.2. Báo cáo đề xuất phương án chuyển nhượng

- a) Cơ sở pháp lý; các điều kiện chính đối với đề xuất chuyển nhượng (mục tiêu, tỷ lệ quyền lợi tham gia đề xuất chuyển nhượng, quyền điều hành, giá trị chuyển nhượng dự kiến, giá khởi điểm);
- b) Phương thức chuyển nhượng (đấu thầu cạnh tranh, đàm phán trực tiếp hoặc đề xuất khác của Tổng Giám đốc PVN);
- c) Kế hoạch triển khai, ước tính chi phí chuyển nhượng (nếu cần);
- d) Kiến nghị.

5.3. Báo cáo đề xuất chuyển nhượng

- a) Yêu cầu đối với báo cáo phải đánh giá quá trình thực hiện phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt;
- b) Kết quả trao đổi, đàm phán với các đối tác quan tâm; đánh giá các bản chào;
- c) Các đảm bảo, đáp ứng các mục tiêu chuyển nhượng, đề xuất các điều khoản và điều kiện chuyển nhượng chính để trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Kiến nghị.

Điều 25. Lập Báo cáo tạm dừng, Báo cáo kết thúc Dự án PTMDK

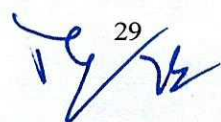
Căn cứ vào đề xuất của Ban đầu mối quản lý Dự án PTMDK, Tổng Giám đốc PVN quyết định phương án thuê tư vấn hoặc lập Tổ lập Báo cáo/giao Công ty điều hành dầu khí của PVN lập Báo cáo tạm dừng hoặc Báo cáo kết thúc Dự án PTMDK.

Nội dung chính của Báo cáo tạm dừng, Báo cáo kết thúc dự án PTMDK, phải bao gồm các nội dung:

- Tổng quan dự án và mục đích của báo cáo;

- Cơ sở pháp lý;
- Tình hình thực hiện và kết quả đạt được của dự án;
- Nguyên nhân tạm dừng/kết thúc dự án: về kỹ thuật, hiệu quả kinh tế (NPV, IRR...), hết thời hạn HDDK và các lý do khác;
- Doanh thu, chi phí thực hiện (bao gồm cả chi phí kết chuyển của Dự án TKTD dầu khí thành công tương ứng, chi phí thu xếp tài chính để thực hiện dự án, giá trị nộp ngân sách nhà nước; giá trị chuyển nhượng (nếu có, trong trường hợp chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia trong HDDK tương ứng);
- Đánh giá các vấn đề pháp lý và các vấn đề liên quan khi tạm dừng/kết thúc dự án (bao gồm nội dung về kết quả rà soát việc hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định của HDDK liên quan, trong trường hợp kết thúc Dự án PTKT dầu khí do hết thời hạn HDDK);
- Kết luận, kiến nghị.



29




CHƯƠNG IV

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC

Điều 26. Nguyên tắc thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1. Giám sát, đánh giá đầu tư là hoạt động theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư, bao gồm giám sát, đánh giá Dự án và giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.
2. Nhà đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư Dự án theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt tại quyết định việc sử dụng vốn.
3. Người có thẩm quyền phê duyệt việc sử dụng vốn/ra quyết định góp vốn tham gia Dự án dầu khí thực hiện theo dõi, kiểm tra Dự án thuộc thẩm quyền.
4. Dự án đầu tư của PVN, Công ty có vốn góp của PVN và VSP phải được tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện đầu tư theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt tại quyết định việc sử dụng vốn.
5. Kết quả, kết luận giám sát và đánh giá đầu tư và việc thực hiện phân cấp đầu tư của các lần trước đó (nếu có) phải được kế thừa, tham khảo trong quá trình thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư của lần tiếp theo.

Điều 27. Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư Dự án dầu khí

Việc giám sát, đánh giá đầu tư, triển khai và quản lý Dự án dầu khí thực hiện như sau:

1. Theo dõi: tình hình thực hiện chế độ báo cáo; tổng hợp tình hình thực hiện Dự án; tổng hợp tình hình thực hiện dự toán chi phí/kế hoạch vốn đầu tư; tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành Dự án; tổng hợp tình hình thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định; tổng hợp tình hình thực hiện các nội dung khác quy định tại các văn bản phê duyệt, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và quyết định việc sử dụng vốn/đầu tư Dự án (nếu có); việc đáp ứng các điều kiện tham gia, triển khai thực hiện dự án; tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có); việc chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư; báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định.
2. Kiểm tra: việc tuân thủ quy định, trình tự, thủ tục trong việc phê duyệt Dự án dầu khí, các dự án thành phần của Dự án dầu khí theo quy định pháp luật, Quy định này và các quy định nội bộ khác có liên quan của PVN; việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư; đầu thầu và quản lý thực hiện, khai thác vận hành dự án, tiến độ thực hiện dự án; việc tuân thủ pháp luật, HĐDK trong quá trình thực hiện Dự án dầu khí; việc quản lý và sử dụng vốn, quản lý chi phí trong quá trình thực hiện Dự án dầu khí; việc thực hiện phân cấp, ủy quyền quá trình thực hiện Dự án dầu khí; việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện và các nội dung kiểm tra, giám sát khác theo yêu cầu của HĐTV PVN và Tổng Giám đốc PVN.
3. Đánh giá đầu tư, thực hiện và quản lý Dự án dầu khí theo nội dung các hình thức đánh giá bao gồm đánh giá ban đầu; đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn; đánh giá kết thúc; đánh giá tác động và đánh giá đột xuất theo quy định.

Điều 28. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên PVN

1. Chỉ đạo thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá tổng thể đầu tư của PVN;
2. Chỉ đạo thực hiện giám sát, đánh giá các Dự án đầu tư do PVN, Công ty có vốn góp của PVN và VSP làm Nhà đầu tư;

3. Phê duyệt kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư hàng năm của PVN trong kế hoạch kiểm tra chung hàng năm;

4. Chỉ đạo giám sát, đánh giá trình cơ quan quản lý và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định.

Điều 29. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc PVN

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư dự án theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt tại quyết định việc sử dụng vốn để tham gia/đầu tư, thực hiện đánh giá đối với các dự án có phần trực tiếp tham gia của PVN hoặc thuộc quyền quản lý của PVN.

3. Chỉ đạo lập, ký gửi Bộ/ngành Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm, các Báo cáo giám sát, đánh giá Dự án đầu tư của PVN.

4. Phê duyệt chương trình giám sát đầu tư cụ thể theo kế hoạch giám sát đầu tư hàng năm được HĐQT PVN phê duyệt; quyết định thành lập Đoàn giám sát đầu tư của PVN để tổ chức thực hiện.

5. Phê duyệt báo cáo kết quả giám sát đầu tư của Trưởng đoàn giám sát đầu tư để làm cơ sở ban hành văn bản yêu cầu Công ty có vốn góp của PVN và VSP thực hiện các kiến nghị tại Biên bản giám sát đầu tư.

6. Ban hành, chỉnh sửa (nếu cần), hướng dẫn thực hiện các báo cáo theo biểu mẫu tại Phụ lục Quy chế này.

7. Chỉ đạo việc cập nhật đầy đủ kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm của Ban Kinh tế Đầu tư PVN

1. Là đầu mối hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của PVN nhằm đảm bảo các Dự án đầu tư tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PVN; tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của PVN;

2. Tổng hợp Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm do PVN, Công ty có vốn góp của PVN và VSP làm Nhà đầu tư; Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá 6 tháng, hàng năm các Dự án đầu tư do PVN làm Nhà đầu tư;

3. Tổng hợp tình hình thực hiện Dự án và chấp hành các quy định của pháp luật trong việc thực hiện Dự án do PVN làm Nhà đầu tư; phối hợp theo dõi quá trình thực hiện Dự án đối với các Dự án do PVN làm Nhà đầu tư và các Dự án được PVN chấp thuận do Công ty có vốn góp của PVN, VSP làm Nhà đầu tư;

4. Phối hợp Ban KSNB xây dựng và trình HĐQT PVN Kế hoạch giám sát đầu tư hàng năm của PVN; tổ chức các Đoàn giám sát, kiểm tra Dự án/Công ty có vốn góp của PVN, VSP theo kế hoạch hàng năm của PVN;

5. Theo dõi việc thực hiện chương trình tự giám sát, đánh giá đầu tư của Công ty có vốn góp của PVN, VSP theo quy định của pháp luật và quy định của PVN. Cử cán bộ phụ trách hoạt động giám sát đầu tư và/hoặc quản lý Công ty có vốn góp của PVN/ VSP/Dự án tham gia chương trình tự giám sát, đánh giá đầu tư của Công ty có vốn góp của PVN, VSP (nếu cần);



6. Tham gia và/hoặc phối hợp với các Bộ/ngành/UBQLV thực hiện các chương trình giám sát, đánh giá đầu tư tại Công ty có vốn góp của PVN, VSP hoặc dự án đầu tư.

7. Được quyền yêu cầu các Ban chuyên môn, các Công ty có vốn góp của PVN, VSP, Người đại diện của PVN tại các Dự án, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN, và các cá nhân liên quan cung cấp tài liệu phục vụ quá trình giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 31. Trách nhiệm của Ban đầu mối quản lý Dự án dầu khí của PVN

1. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ đối với các Dự án do PVN làm Nhà đầu tư và các Dự án do PVN phân cấp cho Người đại diện Công ty có vốn góp của PVN/TGD VSP/TGD Công ty điều hành dầu khí phê duyệt/quyết định việc sử dụng vốn/đầu tư được phân công phụ trách hoặc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách theo quy định của PVN và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Theo lĩnh vực được phân công phụ trách và/hoặc dự án được giao chủ trì theo dõi quản lý, Ban đầu mối quản lý dự án của PVN theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Công ty có vốn góp của PVN, VSP và Công ty điều hành dầu khí của PVN; nghiên cứu các Báo cáo giám sát đánh giá định kỳ do Công ty có vốn góp của PVN, VSP và Công ty điều hành dầu khí của PVN lập, gửi PVN và gửi ý kiến về Ban KTĐT trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận Báo cáo của Công ty có vốn góp của PVN, VSP và Công ty điều hành dầu khí của PVN. Trường hợp PVN không thành lập công ty điều hành dầu khí, Ban đầu mối quản lý dự án thực hiện, lập các Báo cáo giám sát, đánh giá các Dự án của PVN.

3. Phối hợp thực hiện Kế hoạch giám sát đầu tư hàng năm của PVN theo quy định tại Quy chế này và theo phân công nhiệm vụ của Đoàn giám sát đầu tư; phối hợp với các Ban chức năng khác của PVN có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng Quý cho HĐQT PVN và Tổng Giám đốc PVN về tình hình thực hiện/hoạt động của Dự án dầu khí, đồng thời sao gửi Ban Kinh tế Đầu tư của PVN để tổng hợp trong báo cáo của PVN gửi các cơ quan quản lý nhà nước liên quan theo quy định. Việc giám sát, đánh giá Dự án dầu khí có thể tiến hành đột xuất theo yêu cầu của HĐQT PVN và Tổng Giám đốc PVN hoặc theo định kỳ trên cơ sở đề xuất của Ban đầu mối về quản lý Dự án dầu khí.

4. Cử cán bộ phụ trách/quản lý Công ty có vốn góp của PVN, VSP/ Dự án tham gia chương trình tự giám sát đầu tư của Công ty có vốn góp của PVN, VSP (nếu cần).

5. Đầu mối xử lý hoặc phối hợp xử lý các kiến nghị của Công ty có vốn góp của PVN, VSP tại Biên bản giám sát đầu tư dự án và/hoặc Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực chuyên môn được phân công, phụ trách.

6. Ngoài các nội dung quy định tại các Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này, trường hợp PVN không thành lập Công ty điều hành dầu khí để quản lý Dự án do PVN làm Nhà đầu tư, Ban đầu mối quản lý dự án của PVN được phân công phụ trách lĩnh vực hoặc được giao chủ trì theo dõi quản lý Dự án thực hiện các công việc sau: lập các Báo cáo giám sát và đánh giá Dự án của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư; tổ chức thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan đến Dự án; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định; lập báo cáo đánh giá tác động đối với các Dự án có Mức vốn góp đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên.


32


Điều 32. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát nội bộ của PVN

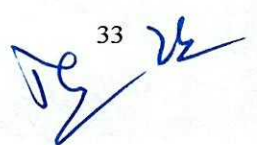
1. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT PVN, Tổng giám đốc PVN liên quan đến việc triển khai Dự án đầu tư của PVN và Công ty có vốn góp của PVN, VSP;
2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phân cấp, ủy quyền, báo cáo HĐQT PVN xem xét quyết định.

Điều 33. Trách nhiệm của Người đại diện/đại diện phần vốn PVN tại Công ty có vốn góp của PVN/Tổng Giám đốc VSP

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch giám sát đầu tư và bộ máy thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư tại Công ty có vốn góp của PVN, VSP;
2. Thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư các dự án theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt tại quyết định việc sử dụng vốn/đầu tư, thực hiện đánh giá đối với các dự án đầu tư thuộc quyền quản lý của Công ty có vốn góp của PVN, VSP;
3. Chủ động xử lý các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án thuộc thẩm quyền; báo cáo kịp thời PVN, các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền;
4. Chỉ đạo lập các Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan, đồng thời gửi PVN để tổng hợp, theo dõi;
5. Lập báo cáo HĐQT PVN về tình hình thực hiện nội dung phân cấp, ủy quyền đầu tư;
6. Sau khi quyết định (điều chỉnh) việc sử dụng vốn/đầu tư, quyết định dừng Dự án, quyết định bán/chuyển nhượng Dự án, Người đại diện/đại diện phần vốn PVN tại Công ty có vốn góp của PVN/Tổng Giám đốc VSP gửi PVN một (01) bản sao Quyết định đối với Dự án do Công ty có vốn góp của PVN, VSP làm Nhà đầu tư hoặc Quyết định thông qua cho Người đại diện phần vốn của Công ty có vốn góp của PVN, VSP quyết định đối với Dự án của công ty cấp dưới trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định;
7. Đối với các Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Người được phân cấp có trách nhiệm báo cáo HĐQT PVN về những nội dung mà Người được phân cấp biểu quyết/quyết định trong quá trình triển khai thực hiện Dự án trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày biểu quyết/quyết định; tổ chức xây dựng khung giám sát, đánh giá dự án trước khi khởi công dự án;
8. Tổ chức thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của Dự án do Công ty có vốn góp của PVN, VSP làm Nhà đầu tư, báo cáo của các nhà thầu, các quy định chính sách, luật pháp liên quan của Nhà nước.
9. Tổ chức thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống ERP của PVN và Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định;
10. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, nội dung báo cáo về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý, về kết quả, hiệu quả công tác giám sát đầu tư tại Công ty có vốn góp của PVN, VSP;



33



11. Tạo điều kiện, phối hợp, hỗ trợ và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu theo yêu cầu khi PVN tổ chức thực hiện chương trình giám sát đầu tư tại Công ty có vốn góp của PVN, VSP; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chỉ đạo của PVN đối với các khuyến nghị của Đoàn giám sát đầu tư và báo cáo PVN tiến độ, tình hình thực hiện các khuyến nghị;

12. Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN gửi PVN Báo cáo tài chính đã kiểm toán trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Điều 34. Trách nhiệm của Người đại diện PVN làm công tác kiểm soát tại Công ty có vốn góp của PVN

1. Thực hiện giám sát về việc triển khai của Công ty có vốn góp của PVN thực hiện Kế hoạch giám sát đầu tư và thực hiện các kiến nghị, chỉ đạo của PVN, báo cáo PVN định kỳ 6 tháng, hàng năm.

2. Tham gia Đoàn giám sát đầu tư theo kế hoạch tự giám sát đầu tư của Công ty có vốn góp của PVN (khi cần thiết).

3. Phối hợp, tham gia các Đoàn giám sát đầu tư của PVN để thực hiện chương trình giám sát đầu tư tại Công ty có vốn góp của PVN khi được yêu cầu.

4. Cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn giám sát đầu tư.

5. Theo dõi, đôn đốc Công ty có vốn góp của PVN, VSP thực hiện chỉ đạo của PVN về việc thực hiện các khuyến nghị của Đoàn giám sát đầu tư của PVN và báo cáo PVN tiến độ, tình hình thực hiện các khuyến nghị.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty có vốn góp của PVN, VSP cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí

1. Xây dựng kế hoạch và thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá Dự án đầu tư được PVN giao quản lý theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Chủ động xử lý, khắc phục các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai Dự án. Báo cáo kịp thời PVN và các cơ quan liên quan xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

3. Lập các Báo cáo giám sát và đánh giá Dự án thuộc trách nhiệm của PVN với vai trò là Nhà đầu tư gửi PVN 10 (mười) ngày trước thời hạn theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư; lập Báo cáo và gửi các cơ quan nhà nước tại địa phương theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, nội dung báo cáo, kết quả, hiệu quả công tác giám sát đầu tư tại Công ty điều hành dầu khí.

5. Xây dựng khung giám sát, đánh giá Dự án trước khi thực hiện Dự án.

6. Lập báo cáo HĐTV PVN về tình hình thực hiện nội dung phân cấp đầu tư;

7. Sau khi quyết định (điều chỉnh) việc sử dụng vốn, quyết định dừng Dự án, quyết định bán/chuyển nhượng Dự án, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành

Dự án dầu khí gửi PVN một (01) bản sao Quyết định đối với Dự án do PVN làm Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định;

8. Đối với các Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Giám đốc chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành có trách nhiệm báo cáo HĐQT PVN về những nội dung mà Người được phân cấp biểu quyết/quyết định trong quá trình triển khai thực hiện Dự án trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày biểu quyết/quyết định;

9. Tạo điều kiện, phối hợp, hỗ trợ và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu theo yêu cầu khi PVN tổ chức thực hiện chương trình giám sát đầu tư tại Công ty điều hành dầu khí.

10. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chỉ đạo của PVN đối với các khuyến nghị của Đoàn giám sát đầu tư và báo cáo PVN tiến độ, tình hình thực hiện các khuyến nghị.

11. Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của Dự án được giao quản lý thực hiện, các báo cáo của các nhà thầu, các quy định chính sách, luật pháp liên quan của Nhà nước.

12. Tổ chức thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống ERP của PVN và Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

Điều 36. Chế độ báo cáo và công tác cập nhật dữ liệu lên hệ thống ERP của PVN và Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ KH&ĐT

1. Nhà đầu tư thực hiện công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật dầu khí, quy định pháp luật có liên quan và theo các biểu mẫu tại Phụ lục Quy chế này.

2. Nhà đầu tư/đại diện Nhà đầu tư chịu trách nhiệm cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ thông tin giám sát, đánh giá đầu tư lên hệ thống ERP của PVN và Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ KH&ĐT theo đúng quy định.



CHƯƠNG V

CÔNG TÁC NGHIỆM THU, QUYẾT TOÁN

Điều 37. Nghiệm thu Dự án dầu khí trong nước

1. Tổng Giám đốc PVN tổ chức thực hiện nghiệm thu khối lượng và chất lượng công việc hoàn thành. Việc nghiệm thu phải hoàn thành trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ khi kết thúc triển khai từng giai đoạn nhỏ hoặc cả giai đoạn TKTD của Hợp đồng dầu khí đối với Dự án TKTDDK.

2. Công tác nghiệm thu Dự án TKTDDK

a) Đối với Dự án TKTDDK không thành công, không có phát hiện dầu khí thương mại, kết quả nghiệm thu khi kết thúc từng giai đoạn nhỏ hoặc cả giai đoạn TKTD của Hợp đồng dầu khí phải nêu rõ kết quả thực hiện, lý do không thành công, khối lượng thực hiện và ghi nhận chi phí so với dự án đã được Cấp có thẩm quyền quyết định/phê duyệt;

b) Đối với Dự án TKTDDK thành công, có phát hiện dầu khí thương mại, kết quả nghiệm thu khi kết thúc từng giai đoạn nhỏ hoặc cả giai đoạn TKTD của Hợp đồng dầu khí phải nêu rõ tình hình thực hiện, khối lượng thực hiện và ghi nhận chi phí thực hiện dự án để làm căn cứ kết chuyển vào chi phí đầu tư của Dự án PTMDK phù hợp với tiến độ triển khai hoạt động phát triển, khai thác mỏ dầu khí theo quy định của HĐDK;

c) Đối với Dự án TDDKBS không thành công, không có phát hiện dầu khí thương mại tiếp theo, kết quả nghiệm thu phải nêu rõ khối lượng công việc, kết quả thực hiện, lý do không thành công và ghi nhận chi phí so với phê duyệt để làm căn cứ quyết toán chi phí Dự án TDDKBS theo quy định quản lý vốn, chi phí được ghi nhận cũng sẽ là chi phí hoạt động dầu khí vì mục đích thu hồi theo HĐDK ở giai đoạn phát triển khai thác;

d) Đối với Dự án TDDKBS thành công, có phát hiện dầu khí thương mại tiếp theo, kết quả nghiệm thu phải nêu rõ, khối lượng công việc, kết quả thực hiện và ghi nhận chi phí thực hiện Dự án TDDKBS để làm căn cứ kết chuyển vào Dự án PTMDK mới phù hợp với tiến độ triển khai hoạt động phát triển mỏ mới theo quy định của HĐDK, độc lập với Dự án PTMDK đã được phê duyệt trước đây.

3. Tổng Giám đốc PVN thành lập Hội đồng nghiệm thu với thành phần gồm các thành viên chính như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí hoặc 01 Phó Tổng Giám đốc PVN do Tổng Giám đốc PVN chỉ định;

b) Phó chủ tịch Hội đồng: Trưởng Ban Tìm kiếm Thăm dò dầu khí PVN, đối với Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS; và

c) Đại diện lãnh đạo các Ban chức năng có liên quan.

Hội đồng nghiệm thu chịu trách nhiệm trước PVN và trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của kết quả nghiệm thu.

Điều 38. Chi phí thực hiện Dự án dầu khí

1. Chi phí thực hiện Dự án dầu khí là các chi phí cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng, phát triển mỏ dầu khí và khai thác dầu khí theo quy định của HĐDK, bao gồm:

a) Chi phí tìm kiếm thăm dò, thăm lượng dầu khí: là tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp được phân bổ gánh chịu trong quá trình tìm kiếm dầu khí như được quy



định tại Điều 2.1 – Chi phí TKTD của Phụ lục Hợp đồng mẫu của Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí của Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023.

b) Chi phí thăm dò dầu khí bổ sung: là các chi phí cho hoạt động thăm dò, thăm lượng thực hiện song song với hoạt động phát triển, khai thác trong cùng diện tích hợp đồng. Chi phí thăm dò dầu khí bổ sung được xác định là chi phí độc lập với Mức vốn góp đầu tư của Dự án PTMDK đã được Cấp có thẩm quyền phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh.

c) Chi phí chuẩn bị PTMDK là chi phí cho hoạt động chuẩn bị PTMDK theo quy định của HDDK.

d) Chi phí phát triển mỏ dầu khí là toàn bộ những khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến hoạt động PTMDK theo quy định của HDDK bao gồm nhưng không giới hạn các mục chính như sau: chi phí nghiên cứu khảo sát mỏ dầu khí; chi phí khoan PTMDK và hoàn thiện giếng; chi phí thiết bị; chi phí thi công, lắp đặt; chi phí quản lý.

e) Chi phí vận hành khai thác mỏ dầu khí là toàn bộ những khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến hoạt động vận hành khai thác mỏ dầu khí theo quy định của HDDK bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí cho việc vận hành và bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị cần thiết; lập lịch trình, điều khiển, đo lường, thử vỉa và gọi dòng; thu gom, xử lý, tàng trữ.

g) Chi phí thu dọn mỏ dầu khí: là toàn bộ các chi phí để thực hiện các hoạt động thu dọn mỏ, bao gồm nhưng không giới hạn các mục chính như: hủy giếng, thu dọn công trình, thiết bị và phương tiện, đã phục vụ hoạt động khai thác mỏ dầu khí.

2. Chi phí Dự án dầu khí được phân loại thành chi phí có thể thu hồi và chi phí không được thu hồi theo từng HDDK. Chi phí có thể thu hồi là toàn bộ chi phí liên quan hoạt động tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng, chuẩn bị phát triển mỏ và khai thác mỏ dầu khí như Khoản 1 Điều này. Chi phí không được thu hồi là các chi phí không được phép thu hồi theo quy định của HDDK bao gồm nhưng không giới hạn như: phí đào tạo, hoa hồng, độc và sử dụng tài liệu, chi phí phạt và bồi thường thiệt hại, chi phí phát sinh trước khi ký HDDK (trừ trường hợp đã được thỏa thuận trong HDDK hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

3. Chi phí chưa thu hồi hết: là chi phí của Dự án dầu khí chưa được thu hồi tại thời điểm kết thúc HDDK hoặc kết thúc Dự án PTMDK.

4. Chi phí phát sinh riêng của Nhà đầu tư: bao gồm các chi phí mà Nhà đầu tư phải thực hiện để có được dự án trong giai đoạn chuẩn bị hình thành dự án (chi phí tìm kiếm đánh giá cơ hội, đọc tài liệu, mua tài liệu, tư vấn, pháp lý, thẩm định, đàm phán, mua quyền lợi tham gia, mua cổ phần...), chi phí không được ghi nhận vào chi phí dự án trong quá trình triển khai dự án (chi phí tài chính, chi phí tiêu thụ sản phẩm, chi phí hợp lệ khác...), chi phí thực hiện khi kết thúc dự án (kiểm toán, thẩm định).

Điều 39. Công tác quyết toán chi phí

1. Việc quyết toán chi phí được thực hiện đối với các dự án bao gồm: Dự án TKTDK, Dự án TDDKBS và Dự án PTMDK.

2. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán

(i) Đối với các dự án do PVN trực tiếp tham gia/đầu tư, Cấp có thẩm quyền phê duyệt/quyết định việc góp vốn tham gia hoặc góp vốn đầu tư Dự án dầu khí trong nước là cấp phê duyệt quyết toán chi phí dự án;



(ii) Đối với các dự án do Công ty có vốn của PVN tham gia/đầu tư, Người đại diện phần vốn của PVN thực hiện phê duyệt quyết toán theo phân cấp tại Quy chế tài chính của Công ty có vốn góp của PVN;

(iii) Đối với các dự án do VSP tham gia/đầu tư: Thẩm quyền, trách nhiệm lập báo cáo quyết toán và cách thức quyết toán đối với dự án dầu khí do Hội đồng liên doanh VSP quyết định và/hoặc phân cấp/ủy quyền.

3. Đối với các dự án do PVN trực tiếp tham gia/đầu tư, Tổng Giám đốc PVN tổ chức thực hiện quyết toán. Công tác quyết toán phải hoàn thành trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Cấp có thẩm quyền phê duyệt kết thúc dự án. Công ty điều hành dầu khí của PVN/Ban đầu mỗi quản lý dự án dầu khí của PVN có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án. Trong trường hợp PVN trực tiếp tham gia dự án mà không thông qua Công ty điều hành dầu khí hoặc không thông qua Ban đầu mỗi quản lý dự án, Tổng giám đốc PVN sẽ thành lập Tổ lập báo cáo quyết toán do Ban TCKT đầu mỗi thực hiện lập báo cáo quyết toán.

4. Nguyên tắc, nội dung và hồ sơ trình duyệt báo cáo quyết toán

a) Nguyên tắc lập báo cáo quyết toán

Báo cáo quyết toán phải xác định đầy đủ, chính xác: (i) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư; (ii) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, chi tiết theo từng hạng mục như được phê duyệt trong các Chương trình TKTD DK, Chương trình TDDK bổ sung, Chuẩn bị PTMDK, Dự án PTMDK và bao gồm cả chi phí phát sinh riêng (nếu có); (iii) kiến nghị về việc xử lý nguồn vốn và tài sản sau quyết toán (nếu cần thiết) phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của PVN và các quy định của Nhà nước.

- Phản ánh đúng và đủ nguồn vốn thực hiện dự án tính đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán (chi tiết theo từng nguồn vốn, nguyên tệ và VNĐ tương ứng);

- Chi phí đề nghị được quyết toán phải phản ánh trung thực, đảm bảo các nguyên tắc: thực chi, hợp lý, hợp lệ. Chi phí đề nghị quyết toán phải: (i) phản ánh chi tiết phù hợp với quy định của HSDK; (ii) chi tiết theo từng khoản mục cũng như giai đoạn thực hiện;

- Kiến nghị của PVN về việc xử lý nguồn và tài sản sau khi được phê duyệt quyết toán phải phù hợp với quy định của HSDK về thu hồi vốn của PVN, phù hợp với Quy chế tài chính của PVN cũng như các quy định của Nhà nước có liên quan.

b) Nội dung chính của báo cáo quyết toán

- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác:

- + Tên dự án
- + Nhà đầu tư
- + Tổng dự toán và nguồn vốn được phê duyệt
- + Thời gian thực hiện dự án theo phê duyệt
- + Các công việc đã thực hiện
- + Thời gian thực tế thực hiện dự án
- + Nguồn vốn thực hiện dự án chi tiết theo biểu mẫu:

STT	Tên nguồn vốn	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện	Tăng/giảm so với dự toán	Lý do tăng/giảm
1	2	3	4	5=4-3	6

+ Tổng chi phí thực hiện dự án đề nghị quyết toán chi tiết theo biểu mẫu:

STT	Hạng mục công việc (chi tiết theo dự toán đã phê duyệt), bao gồm cả chi phí phát sinh riêng của nhà đầu tư	Dự toán được phê duyệt	Chi phí đề nghị quyết toán	Tăng/giảm so với dự toán	Lý do tăng/giảm
1	2	3	4	5=4-2	6

+ Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng (nếu có).

+ Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án

+ Kiến nghị

c) Hồ sơ trình duyệt Báo cáo quyết toán

Ban TCKT gửi 1 bộ hồ sơ đến cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán để thành lập Tổ thẩm tra quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán

+ Báo cáo quyết toán theo quy định của Khoản 4 Điều 39 Quy chế này

+ Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan nộp kèm theo mẫu:

STT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành văn bản	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

+ Danh sách các gói thầu thực hiện trong dự án theo mẫu

STT	Tên gói thầu	Hợp đồng		Văn bản phê duyệt	Giá trị thực hiện	Tăng/giảm so với giá trị hợp đồng	Lý do tăng/giảm
		Loại HĐ	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7=6-4	8

+ Báo cáo kiểm toán của nước chủ nhà, Nhà đầu tư/các bên tham gia trong HĐDK, kiểm toán độc lập (nếu có, bản sao)

+ Các báo cáo tạm dừng/báo cáo kết thúc Dự án TKTDDK/Dự án TDDKBS/Dự án PTMDK ... (bản sao)

+ Các kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước (nếu có, bản sao) kèm theo báo cáo tình hình thực hiện các yêu cầu tại các kết luận của các văn bản nêu trên (nếu có, bản sao)

+ Các tài liệu khác (nếu có).

5. Nguyên tắc, nội dung và hồ sơ trình duyệt báo cáo quyết toán

39

368
P D
AU
ET N
4. T



a) Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán

- TGD PVN quyết định thành lập Tổ thẩm tra để thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán, trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ thẩm tra do Ban TCKT chủ trì, phối hợp với các ban chức năng có liên quan của PVN để thực hiện công tác thẩm tra quyết toán. Việc thành lập Tổ thẩm tra báo cáo quyết toán phải đảm bảo nguyên tắc độc lập theo đó tất cả các thành viên của Tổ này không trùng lặp với các thành viên của Tổ lập báo cáo quyết toán tại Khoản 3 Điều 39 Quy chế này.

- PVN có thể thuê Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán làm căn cứ thẩm tra báo cáo quyết toán.

b) Nội dung chính báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo quyết toán

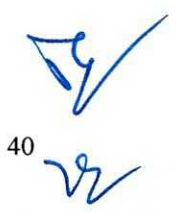
Tổ thẩm tra báo cáo quyết toán thực hiện thẩm tra và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm những nội dung sau:

- + Tên dự án
- + Nhà đầu tư
- + Tổng dự toán và nguồn vốn được phê duyệt
- + Thời gian thực hiện dự án theo phê duyệt
- + Các công việc đã thực hiện
- + Thời gian thực tế thực hiện dự án
- + Nguồn vốn thực hiện dự án
- + Chi phí thực hiện dự án
- + Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:
 - * Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của nhà nước, nội bộ PVN trong việc triển khai thực hiện dự án.
 - * Kiến nghị phê duyệt về nguồn vốn, chi phí thực hiện và các kiến nghị xử lý công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng (nếu có)

Tổ thẩm tra gửi Cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán làm cơ sở để Cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

c) Thời hạn thẩm tra: Thời hạn thẩm tra báo cáo quyết toán là 6 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ đề nghị quyết toán dự án.

d) Thời hạn phê duyệt quyết toán là 1 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 39 của Quy chế này.



CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với Dự án dầu khí trong nước đã phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực và đang trong quá trình triển khai thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt và không phải bổ sung sửa đổi theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với từng trường hợp, từng nội dung vướng mắc phát sinh cụ thể, Tổng Giám đốc PVN xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền. Đối với các nội dung vướng mắc phát sinh không thuộc thẩm quyền quyết định, Tổng Giám đốc PVN báo cáo HĐQT PVN xem xét quyết định hoặc trình Cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 6 Chương và 41 Điều, có hiệu lực kể từ ngày HĐQT PVN ký quyết định ban hành và thay thế “Quy định về quản lý và thực hiện Dự án dầu khí trong nước” ban hành kèm theo Quyết định số 683/QĐ-DKVN ngày 15/12/2022 của Hội đồng Thành viên PVN và Quyết định số 4701/QĐ-DKVN ngày 19/8/2023 của Hội đồng Thành viên PVN về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 9 của Quyết định số 683/QĐ-DKVN ngày 15/12/2022.

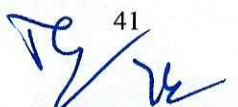
Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT PVN xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc PVN.

2. Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này, ban hành các văn bản quy phạm nội bộ hướng dẫn thi hành Quy chế này.

3. Người đại diện phần vốn của PVN tại các Công ty có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP thực hiện quản lý Dự án dầu khí trong nước của đơn vị, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Quy chế này và hiệu quả sử dụng vốn./.



41



I- Thông tin về dự án

Tên dự án; Chủ đầu tư; Tổ chức tư vấn lập dự án (nếu có); Mục tiêu chính của dự án; Quy mô, công suất; Địa điểm dự án; Diện tích sử dụng đất/biển; Hình thức quản lý dự án; Các mốc thời gian về dự án; Tổng mức vốn góp/Dự toán chi phí; Nguồn vốn...

II- Tình hình thực hiện dự án quý/năm ...**1. Tình hình thực hiện dự án:**

- a. Tiến độ thực hiện dự án
 - i. Khối lượng công việc/sản lượng thực hiện từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (theo quý và/hoặc theo năm báo cáo);
 - ii. Khối lượng công việc thực hiện từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo: theo các hoạt động thăm dò, phát triển, khai thác của dự án;
 - iii. Báo cáo chi tiết các gói thầu chính (tiến độ thực hiện, giải ngân, vướng mắc ...);
- b. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng (tổng chi phí từ đầu Dự án đến hết năm của cả dự án và chi phí phần PVN/Công ty có vốn góp của PVN/VSP)
- c. Chất lượng công việc đạt được
- d. Các chi phí khác liên quan đến dự án (nếu có)
- e. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án (nếu có)
- f. Các nội dung về pháp lý hợp đồng (gia hạn, chuyển nhượng... - nếu có)

2. Công tác quản lý dự án: (Tình hình thực hiện Chương trình hoạt động và ngân sách theo các hạng mục chính/Kế hoạch sản lượng được phê duyệt)

- a. Kế hoạch triển khai thực hiện:
 - i. Kế hoạch tổng thể (theo từng giai đoạn công tác quản lý dự án bao gồm Kế hoạch sản lượng được phê duyệt trong giai đoạn Khai thác)
 - ii. Công tác quản lý triển khai thực hiện
- b. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án theo quý/theo năm: (Mô tả kế hoạch công việc chi tiết theo quý/theo năm theo CTHD&NS)
 - i. Chương trình công tác chắc chắn
 - ii. Ngân sách
- c. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu
- d. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án
- e. Phân tích các nguyên nhân chậm tiến độ/không đạt kế hoạch và đề xuất phương án bù tiến độ/kế hoạch (nếu có)
- f. Các nội dung cần lưu ý

3. Công tác tham gia/đầu tư (đối với phần vốn góp của PVN):

- Kết quả thực hiện so với phê duyệt việc sử dụng vốn để tham gia/đầu tư Dự án dầu khí; Các vướng mắc, khó khăn và giải pháp xử lý;
- Công tác thu xếp vốn/giải ngân/trả nợ;
- Công tác quyết toán.

III- Tình hình tài chính và công tác quản lý tài chính:

1. Thực hiện góp vốn:

Nội dung	Quý báo cáo	Lũy kế năm	Lũy kế từ đầu dự án
Góp vốn cho hoạt động dầu khí - PVN - Các bên khác			
Góp Quỹ TDM - PVN - Các bên khác			
Góp chi phí không thu hồi - PVN - Các bên khác			

2. Doanh thu/Chi phí dự án:

Nội dung	Quý báo cáo	Lũy kế năm	Lũy kế từ đầu dự án
Tổng Doanh thu dầu khí Trong đó: - Chính phủ (thuế, lãi NCN) - PVN - Các bên khác			
Tổng Chi phí có thể thu hồi Trong đó: - PVN - Các bên khác			
Tổng Chi phí đã thu hồi Trong đó: - PVN - Các bên khác			
Chi phí còn được thu hồi Trong đó: - PVN - Các bên khác			
Chi phí không thu hồi theo PSC			

- Công nợ khác giữa các bên- nếu có: số dư nợ cuối kỳ báo cáo; công nợ quá hạn; đề xuất, kiến nghị- nếu có.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

43



Tình hình nộp NSNN	Quý báo cáo	Lũy kế năm
Thuế GTGT		
Thuế TNDN		
Thuế Tài nguyên		
...		
Cộng		

IV- Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ và giải quyết các vướng mắc, phát sinh:

1. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT PVN (lập danh mục chi tiết theo thứ tự thời gian tháng/quý/năm)
2. Tình hình thực hiện các Quy chế nội bộ của PVN
3. Tình hình thực hiện theo kết luận kiểm tra/giám sát: báo cáo chi tiết theo các Biên bản họp giám sát của HĐQT PVN/các đoàn kiểm tra, kiểm toán của PVN và cơ quan quản lý Nhà nước.

V- Tình hình xử lý, phản hồi thông tin

1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*
2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án).*
3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh:
 - Kết quả thực hiện kiến nghị của các Đoàn GSĐT trước (nếu có)
 - Các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án

VI- TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:
2. Công tác quản lý dự án:
3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin: *(việc đảm bảo thông tin báo cáo xử lý thông tin báo cáo; kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh)*

VII- Kiến nghị

1. Kiến nghị đối với PVN
2. Kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có)

Ngoài các nội dung bắt buộc nêu trên, Người đại diện báo cáo các nội dung khác căn cứ vào đặc thù hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Người lập báo cáo
(ghi rõ họ tên)

Giám đốc/Tổng giám đốc Công ty
(ghi rõ họ tên)







BM- 01B

Báo cáo giám sát và đánh giá thực hiện Dự án đầu tư

Quý/6 tháng/Năm

(Đối với Nhà đầu tư ngoài Công ty điều hành đầu tư)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN NHÀ ĐẦU TƯ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

(Tên dự án; Nhà đầu tư; Tổ chức tư vấn lập dự án; Mục tiêu của dự án; Quy mô, công suất; Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính; Địa điểm dự án; Diện tích sử dụng đất; Hình thức quản lý dự án; Các mốc thời gian về dự án: Số, ngày phê duyệt quyết định việc sử dụng vốn/đầu tư; Thời gian thực hiện dự án (Thời gian bắt đầu, Thời gian kết thúc); Mức vốn góp đầu tư; Nguồn vốn đầu tư).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác GPMB và tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng ...).*

1.2. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán).*

1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:

1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*

45



2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*

2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án).*

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh:

- Kết quả thực hiện kiến nghị của các Đoàn GSĐT trước (nếu có)

- Các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Tình hình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ:

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định việc sử dụng vốn/đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(kèm theo phụ biểu đính kèm)

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

TS



Phụ biểu
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN
Tên dự án:

Nhà đầu tư: ...

Địa điểm thực hiện: ...

Mức vốn góp đầu tư: ...

Tổng dự toán: ...

Kế hoạch vốn trong năm của dự án: ...

Lũy kế kế hoạch vốn cho dự án: ...

Đơn vị tính: triệu USD

TT	Tên hạng mục/ Gói thầu	Giá trị	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế giá trị thực hiện	Lũy kế giải ngân	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
					Giá trị thực hiện	Giải ngân						
1												
2												
3												

....., ngày ... tháng ... năm

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)



47
(Handwritten signature)



BM- 02

**Báo cáo định kỳ hàng tháng kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THÁNG/ NĂM**

Đơn vị tính: triệu USD

[illegible]

✓
12